



## Mục lục

4 Động lực đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững

13 VŨ VĂN HIỀN:

Sức xuân đất nước

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

17 LÊ VĂN LỢI:

Những vấn đề lý luận mới về đặc trưng, mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản và các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

28 NGUYỄN MINH VŨ:

Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của trí thức người Việt Nam ở nước ngoài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

**45 PHẠM VĂN ĐỨC:**

**Những nội dung mới về xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam từ sau đổi mới đến nay**

---

**52 NGÔ TUẤN NGHĨA:**

**Những vấn đề lý luận mới về phương hướng phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

---

**LÝ LUẬN-THỰC TIỄN**

---

**61 PHẠM THỊ THANH BÌNH:**

**Phát triển chính sách xã hội ở Singapore và những gợi ý cho Việt Nam**

---

The background features a large, faint circular seal with intricate geometric and traditional patterns. In the top-left and bottom-right corners, there are branches of cherry blossoms with delicate white flowers and buds.

*Chúc Mừng Năm Mới*  
*2023*

**XUÂN QUÝ MÃO**

# ĐỘNG LỰC ĐƯA ĐẤT NƯỚC PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG

(Tổng Bí thư NGUYỄN PHÚ TRỌNG trả lời phỏng vấn TTXVN nhân dịp năm mới 2023)

Nhân dịp đón Xuân Quý Mão - 2023 và kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh (03/02/1930 - 03/02/2023), đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã dành thời gian trả lời phỏng vấn của Thông tấn xã Việt Nam. Sau đây là nội dung cuộc phỏng vấn:

■ **Phóng viên:** Kính thưa Tổng Bí thư, xin Đồng chí cho biết một số thành tựu nổi bật về tình hình xây dựng và phát triển đất nước ta trong năm 2022?

● **Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng:** Nhìn lại năm 2022, chúng ta nhận thấy tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến mới, khó khăn hơn so với dự báo. Thế giới có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường, chưa từng có tiền lệ. Ở trong nước, chúng ta đồng thời vừa nỗ lực phục hồi phát triển kinh tế - xã

hội, vừa tiếp tục xử lý những tồn tại do tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19, dịch bệnh mùa và hậu quả thiên tai, bão lũ gây ra.

Trong bối cảnh đó, với sự đồng lòng, quyết tâm của cả hệ thống chính trị, chúng ta đã thực hiện đạt và vượt 14/15 chỉ tiêu kế hoạch. Tăng trưởng GDP của cả nước đạt khoảng 8%, tăng cao so với kế hoạch đề ra từ 6 - 6,5%. Các ngành, lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế đều phục hồi, có bước phát triển mạnh. Thu ngân sách nhà nước tăng 20% so với năm 2021. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 12,5% so với năm trước, trong đó vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được giải ngân đạt 22 tỉ USD, tăng 16%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt mức kỷ lục 740 tỉ USD, tăng 10% so với năm 2021 (Việt Nam tiếp tục nằm trong nhóm 25 nền kinh tế hàng đầu về thương mại).

Lĩnh vực văn hóa được quan tâm hơn, đặc biệt từ sau Hội nghị Văn hóa toàn quốc cuối năm 2021. Chúng ta đang tập trung xây dựng các hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình, hệ giá trị con người Việt Nam thời kỳ mới. Nhiều sự kiện văn hóa, thể thao, giải trí quy mô lớn, đặc biệt là SEA Games 31 đã được tổ chức rất thành công. Công tác giáo dục, y tế đang dần được củng cố, có nhiều đổi mới sau đại dịch COVID-19, từng bước nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập và khám, chữa bệnh của nhân dân. Các chính sách xã hội, nhất là chính sách đối với người có công với cách mạng, chính sách bảo trợ xã hội và hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động, người dân bị ảnh hưởng nặng bởi đại dịch COVID-19, thiên tai, bão lũ được triển khai kịp thời, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định và tiếp tục cải thiện đời sống nhân dân. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; quan hệ đối ngoại tiếp tục được thúc đẩy, đi vào chiều sâu. Công tác xây

dựng Đảng và hệ thống chính trị, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tiếp tục được đẩy mạnh, đồng bộ từ Trung ương đến các địa phương, tạo chuyển biến tích cực trong thực tế, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Đạt được những kết quả đó, trước hết là nhờ có sự lãnh đạo sát sao, kịp thời, đúng đắn của Đảng; sự đồng hành và giám sát có hiệu quả của Quốc hội; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, bài bản của Chính phủ; sự đoàn kết, phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp; sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Với tinh thần “Tiên hô hậu ủng”, “Nhất hô bá ứng”, “Trên dưới đồng lòng”, “Độc ngang thông suốt”, chúng ta đã từng bước vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi khá toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Đây chính là động lực to lớn đưa đất nước bước vào năm 2023 với niềm tin mới, khí thế mới, quyết tâm mới, tiếp tục phát triển nhanh và bền vững.

Tuy nhiên, tình hình sắp tới vẫn tiềm ẩn nhiều khó khăn, thử thách;



*Đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào cuộc sống,  
xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh \_ Ảnh: VOV*

chúng ta không được chủ quan, phải tiếp tục kiểm soát có hiệu quả đại dịch COVID-19 và các dịch bệnh mới phát sinh, đồng thời dồn lực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt là giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực nội tại, tính tự chủ, khả năng chống chịu và thích ứng của nền kinh tế; củng cố, phát huy và tạo lập các động lực tăng trưởng mới trong

trung hạn và dài hạn. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các đột phá chiến lược, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 3 Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là các dự án trọng điểm quốc gia. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chú trọng phát triển văn hóa, giáo dục, bảo đảm

an sinh xã hội, không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân. Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Tập trung làm tốt công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, toàn diện, sâu rộng, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại.

■ **Phóng viên:** Có thể khẳng định, trong năm 2022, hầu hết các định hướng quan trọng trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã được cụ thể hóa và triển khai ở các cấp. Xin Tổng Bí thư đánh giá như thế nào về những bước đi này?

**Năm vừa qua, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã được triển khai quyết liệt, cụ thể hóa thành các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, các chương trình hành động thiết thực của Quốc hội, Chính phủ, quán triệt sâu rộng tới các bộ, ban, ngành, các cấp, cán bộ, đảng viên, nhân dân.**

● **Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng:** Năm vừa qua, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã được triển khai quyết liệt, cụ thể hóa thành các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, các chương trình hành động thiết thực của Quốc hội, Chính phủ, quán triệt sâu rộng tới các bộ, ban, ngành, các cấp, cán bộ, đảng viên, nhân dân.

Tại Hội nghị lần thứ 5 và Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quán triệt, cụ thể hóa toàn bộ những nội dung cốt lõi, những vấn đề lớn nêu trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, như vấn đề: Quản lý và sử dụng đất đai; Nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Phát triển kinh tế tập thể; Định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Xây dựng tổ chức cơ sở đảng và

đảng viên; Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Đây là những vấn đề thiết thực đối với người dân, có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn tới, sự trong sạch vững mạnh của Đảng và hệ thống chính trị.

Như chúng ta đã biết, mỗi vùng đều có những đặc thù riêng. Để phát huy được tiềm năng, lợi thế của mỗi vùng, bên cạnh những chủ trương, chính sách phát triển chung cho cả nước, cần phải có các chủ trương, chính sách phát triển cụ thể, phù hợp với từng vùng. Trước nhiệm kỳ này, định hướng phát triển vùng đã được triển khai thực hiện thông qua một số nghị quyết chuyên đề của Bộ Chính trị các khóa trước, tuy nhiên kết quả chưa đạt được như mong muốn, lợi thế tiềm năng của các vùng vẫn chưa được khai thác hợp lý và phát huy hiệu quả.

Chính vì vậy, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: “khai thác tốt hơn và phát huy tốt nhất các lợi thế

của mỗi vùng về kết cấu hạ tầng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa kinh tế - chính trị, nguồn nhân lực và tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng để tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát triển mới...”. Và định hướng này đã được Bộ Chính trị cụ thể hoá thành 6 Nghị quyết chuyên đề về phát triển 6 Vùng trọng điểm: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; Vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Vùng Tây Nguyên; Vùng Đông Nam Bộ; Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ; Vùng Đồng bằng sông Hồng và ngay sau đó đã tổ chức các Hội nghị toàn quốc để quán triệt những nội dung cơ bản của các Nghị quyết này.

Tôi đã nhiều lần nhấn mạnh, mỗi nghị quyết ra đời, vấn đề rất quan trọng có ý nghĩa quyết định vẫn là làm thế nào để tổ chức thực hiện thật tốt, có kết quả thiết thực, kiên quyết khắc phục tình trạng “Nghị quyết thì thật là hay, xem ra thực hiện còn gay trăm bề”, hoặc “Đánh trống bỏ dùi”, “Đầu voi, đuôi chuột”.

Có thể nhận thấy một bước chuyển tích cực là ngay sau các Hội nghị toàn quốc quán triệt Nghị quyết của Bộ



Chính trị về phát triển vùng, Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ đã khẩn trương xây dựng, ban hành và triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, giao nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành ở Trung ương và các địa phương trong các vùng, trên cơ sở bám sát các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo và nội dung của các Nghị quyết, đồng thời sát hợp với tình hình thực tế của các vùng và tiểu vùng. Tiếp đó, các ban, bộ, ngành Trung ương và các địa phương trong vùng từng bước cụ thể hóa Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Quốc hội, Chính phủ bằng các cơ chế, chính sách, kế hoạch, đề án, dự án và nguồn lực cụ thể, có tính khả thi cao. Nhưng trước hết và trực tiếp vẫn là cấp ủy, chính quyền và nhân dân các địa phương trong từng vùng, đã quyết tâm rồi càng quyết tâm cao hơn nữa; đã đổi mới, nỗ lực phấn đấu rồi càng tiếp tục đổi mới, nỗ lực phấn đấu mạnh mẽ hơn nữa, tranh thủ thời cơ, thuận lợi; vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết đã đề ra, tạo bước chuyển biến mới, có tính đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội

và bảo đảm quốc phòng, an ninh của các vùng, cùng với cả nước tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

■ **Phóng viên:** *Tiếp tục đà của những năm trước, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã được triển khai quyết liệt, bài bản, có bước tiến mạnh, rất quan trọng và toàn diện, trở thành phong trào, xu thế không thể đảo ngược. Xin Tổng Bí thư cho biết những điểm mới nổi bật của công tác này?*

● **Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng:** Năm 2022, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã được Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, có nhiều điểm mới, đạt nhiều kết quả cụ thể, được cán bộ, đảng viên, nhân dân và dư luận quốc tế đồng tình ủng hộ, đánh giá cao.

Trước hết phải kể đến, chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng cũng được sửa đổi, bổ sung, với nhiều đổi mới về nội dung, phương thức và phạm vi hoạt động, bao gồm cả “tiêu cực”. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được thành lập ở tất cả 63 tỉnh, thành phố

và nhanh chóng đi vào hoạt động, đạt những kết quả bước đầu. Ban Chỉ đạo Trung ương lựa chọn khâu yếu, việc khó để tập trung chỉ đạo khắc phục; làm việc rất nghiêm túc, trách nhiệm, bài bản, khoa học, có sự phối hợp rất nhịp nhàng, chặt chẽ, quyết tâm cao và hiệu quả ngày càng rõ; thực sự là “tổng chỉ huy”, là “nhạc trưởng” của công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh sẽ triển khai hoạt động theo hướng này.

Năm 2022, chúng ta phát hiện, đấu tranh và xử lý một số vụ án lớn nghiêm trọng (Vụ Việt Á, FLC, Tân Hoàng Minh, Cục lãnh sự Bộ Ngoại giao, AIC và Vạn Thịnh Phát...). Đây là công việc rất khó khăn, phức tạp, nhạy cảm, nhưng nhờ có sự chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng, khách quan, thống nhất cao, được dư luận đồng tình, ủng hộ.

Mới đây, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 03/11/2021 về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ và Thông báo số 20-TB/TW, ngày 08/9/2022 về bố trí công tác đối với cán bộ sau khi bị kỷ luật. Việc ban hành những quy định này là bước tiếp tục hoàn thiện các

nguyên tắc và kỷ luật của Đảng, thể hiện tinh thần quyết liệt, mạnh mẽ trong việc xử lý những cán bộ sai phạm, tha hoá, biến chất, kịp thời thay thế những cán bộ không còn đủ năng lực, uy tín, theo phương châm: “Có vào, có ra, có lên, có xuống”.

Trước một số ý kiến cho rằng, nếu quá tập trung vào chống tham nhũng, tiêu cực sẽ làm “nhụt chí”, “chùn bước” những người dám nghĩ, dám làm, sẽ làm “chậm” sự phát triển đất nước; có thể khẳng định và thực tế đã chứng minh hoàn toàn ngược lại, chính nhờ làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, chúng ta đã giữ vững ổn định chính trị xã hội, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại, củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân và bạn bè quốc tế; đồng thời bác bỏ luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, cho rằng xử lý cán bộ, đảng viên sai phạm là “đấu đá nội bộ”, “phe cánh”. Việc đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực chỉ làm “chùn bước” những ai có động cơ không trong sáng. Tôi đã

nhiều lần nói rồi: “Ai không dám làm thì hãy đứng sang một bên để người khác làm”.

■ **Phóng viên:** *Trong bối cảnh tình hình khu vực và thế giới có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, công tác đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta tiếp tục được triển khai tích cực, sôi động và hiệu quả, cả song phương và đa phương. Có thể đánh giá đây là một điểm sáng trong năm vừa qua, thưa Tổng Bí thư?*

● **Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng:** Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Để triển khai đường lối đối ngoại nhất quán đó, trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, chúng ta đã chủ động, tích cực đóng góp có trách nhiệm vào nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong công tác

phòng, chống dịch, đồng thời tranh thủ được sự hỗ trợ của quốc tế nhằm kiểm soát hiệu quả dịch bệnh nguy hiểm này và nhanh chóng phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

Với tinh thần chủ động, tích cực và trách nhiệm cao, chúng ta đã đảm nhiệm nhiều trọng trách quốc tế: Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Ủy viên Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc...; cử hàng trăm lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Tham gia giải quyết nhiều vấn đề quốc tế quan trọng, tiếng nói, sáng kiến và cách thức giải quyết có lý, có tình của Việt Nam trên tinh thần bình đẳng, hòa hiếu và nhân văn, tôn trọng luật pháp quốc tế, được sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

Nhiều hoạt động đối ngoại lớn được tiến hành đúng thời điểm, với chủ trương đúng đắn, trong đó tổ chức đón và thực hiện các chuyến thăm cấp cao, đã tác động mạnh mẽ, tạo được sự đồng thuận cao trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, được dư luận quốc tế đồng tình, ủng hộ. Chuyến thăm chính thức Trung Quốc mới đây của Đoàn đại biểu cấp

cao Đảng ta, không chỉ là sự kiện đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam và Trung Quốc, mà dư luận quốc tế cũng rất quan tâm. Nội dung, nghi thức và kết quả chuyến thăm thể hiện sự coi trọng lẫn nhau giữa hai Đảng, hai nước. Hai bên đã ra Tuyên bố chung về việc tiếp tục đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn nữa quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc; khẳng định quyết tâm tiếp tục đẩy mạnh hợp tác giữa hai Đảng, hai nước trong thời gian tới.

Dịp cuối năm này, các chuyến thăm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta đi thăm các nước, tham dự nhiều diễn đàn khu vực và quốc tế (ASEAN, AIPA, ASEM, APEC, IPU...), cũng như lãnh đạo cấp cao các nước đến thăm Việt Nam, phản ánh một bức tranh sôi động trên mặt trận đối ngoại, là bước triển khai mạnh mẽ đường lối đối ngoại của Đảng ta cả trên phương diện song phương và đa phương, tạo môi trường quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế - xã hội. Những kết quả đó góp phần vào thành tựu chung của đất nước,

nâng cao vai trò, vị thế, uy tín Việt Nam trên trường quốc tế.

Trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục chuyển biến mau lẹ, khó lường, đất nước ta dù còn nhiều khó khăn, nhưng với sự chung sức đồng lòng, quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nhất định sẽ thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đưa đất nước ta ngày càng phát triển, hùng cường và thịnh vượng, sánh vai cùng các cường quốc năm châu, như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhân dịp Xuân mới Quý Mão, cũng là dịp kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh (03/02/1930 - 03/02/2023), tôi xin thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, thân ái gửi tới đồng bào, chiến sĩ cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế lời chúc mừng năm mới sức khỏe, có nhiều niềm vui và hạnh phúc, mọi việc hanh thông!

■ **Phóng viên:** *Xin trân trọng cảm ơn đồng chí Tổng Bí thư. Kính chúc Tổng Bí thư và gia đình năm mới mạnh khỏe, hạnh phúc và nhiều thành công mới!* ■

**Theo TTXVN**

# SỨC XUÂN ĐẤT NƯỚC

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

**Đ**ất nước vào xuân Quý Mão với tư thế tự tin, sinh lực dồi dào, tràn đầy bản lĩnh. Thong thả ngày xuân, chúng ta “trông Bắc, trông Nam, trông cả địa cầu”, “biết

người, biết mình”, lắng nghe tiếng gọi và khát vọng của non sông để dự liệu đường lên phía trước. Lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam có nhiều thời kỳ phát triển rực rỡ nhưng



chưa bao giờ phong độ của đất nước, vị thế của dân tộc lại có được như bây giờ. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Có thể nhận thấy rằng, nhân tố tạo dáng hình đất nước hôm nay là thành công của tổng thể các yếu tố trong nước và các yếu tố mở cửa hội nhập với thế giới, là kết quả sự vận dụng kết hợp sáng tạo giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Sức mạnh dân tộc được xây đắp trước hết là đường đi, định hướng phát triển. Mục tiêu nhất quán và con đường cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta là đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội là sợi chỉ đỏ xuyên suốt của cách mạng Việt Nam 92 năm qua. Trong gần một thế kỷ đấu tranh, lao động, sáng tạo, Đảng và nhân dân ta đã từng bước nhận thức đầy đủ hơn, hình dung rõ ràng hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện mục tiêu cao đẹp là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Chúng ta thực hiện mục

tiêu và lý tưởng đó trong bối cảnh gặp vô vàn khó khăn, thách thức. Đó là phải thực hiện các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc với những hậu quả để lại hết sức nặng nề; là những khó khăn nhiều mặt trong thời gian dài do chính sách bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch. Đã thế, hệ thống xã hội chủ nghĩa lại lâm vào khủng hoảng dẫn tới sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Mặc dù vậy, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác- Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã sáng suốt đề ra Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và khởi xướng đường lối đổi mới đất nước, mở cửa hội nhập quốc tế.

Đổi mới của chúng ta là một cuộc vận động mang tính cách mạng, khoa học, toàn diện, tổng thể, sâu sắc, liên tục và có bài bản. Đổi mới là cách làm của Việt Nam, theo cách thức, nhịp độ phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Đổi mới của Việt Nam là đổi mới sáng tạo, được triển khai một cách sâu rộng và đồng bộ. Đổi mới như một dòng chảy liên tục, vận động liên tục của guồng máy xã hội do Đảng Cộng sản

Việt Nam khởi xướng, phát động và lãnh đạo tổ chức thực hiện.

Qua 36 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện, so với trước đổi mới. Quy mô, trình độ của nền kinh tế được nâng lên, tiến bộ xã hội được đẩy mạnh, đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đổi mới tư duy đã khắc phục được những nhận thức lệch lạc, nhất là bệnh giáo điều, chủ quan duy ý chí, từng bước hình thành những quan niệm khoa học về mục tiêu, bước đi và cách thức phát triển đất nước, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Chính đổi mới đưa nước ta từ chỗ thiếu thốn, thường xuyên phải nhập lương thực, nay trở thành nước xuất khẩu gạo thuộc nhóm hàng đầu thế giới. Chưa bao giờ nhịp độ phát triển và đổi thay từ nông thôn tới thành thị, từ miền núi đến đồng bằng lại nhanh chóng, mạnh mẽ như hiện nay. Cũng chưa bao giờ phong cách sống và làm việc của mọi nhà, mọi người dân lại có nét mới mẻ, sinh động như hôm nay. Đổi mới đã đem

đến một sức vóc mới cho đất nước, tiếp sức đôi chân ta đi thêm những bước dài trên con đường hướng đến chủ nghĩa xã hội.

Nếu như thành quả 36 năm đổi mới sáng tạo làm nên sức mạnh nâng tầm đất nước ở bên trong, thì đường lối mở cửa, hội nhập quốc tế của Đảng ta mang tới những luồng sinh khí mới từ bên ngoài, tăng thêm sức mạnh tổng hợp của đất nước ta từ sức mạnh của thời đại. Thực hiện đường lối đối ngoại vì hòa bình, hợp tác và phát triển, trong những năm qua, Việt Nam đã mở rộng quan hệ đối ngoại, giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, thiết lập quan hệ ổn định, lâu dài với các nước, tạo lập được môi trường hòa bình, tranh thủ yếu tố thuận lợi của môi trường quốc tế để phát triển. Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu. Mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ chính trị, tiếp tục đưa các quan hệ đối tác quan trọng đi vào chiều sâu ổn định hơn. Cùng với việc tăng cường ngoại giao

nhà nước, quan hệ đối ngoại của Đảng và đối ngoại nhân dân được mở rộng, đã nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, đóng góp ngày càng tích cực và có trách nhiệm vào đời sống chính trị khu vực và thế giới.

Thành công của nhiệm vụ đối ngoại đã đem lại những nguồn lực quý giá từ bên ngoài. Đó là vốn, kỹ thuật - công nghệ, kinh nghiệm quản lý, chất xám, tinh hoa văn hoá nhân loại. Trên cơ sở phát huy nguồn lực trong nước, chúng ta càng có điều kiện để thu hút nguồn lực bên ngoài. Với việc mở rộng nhiều hình thức, có bước đi, biện pháp và chính sách thích hợp, chúng ta khuyến khích mạnh mẽ việc hợp tác về kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật, công nghệ, đặc biệt là thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào nước ta trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.

Rõ ràng, chặng đường vừa qua là chặng đường rất đổi vinh quang, chúng ta đã thực hiện thành công những mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra và tạo đà cho các bước tiến mới. Thực tế càng chứng tỏ đường lối đối mới và hội nhập quốc tế do Đảng ta đề ra là hết sức đúng đắn, đầy năng lượng

sáng tạo. Đối mới và hội nhập quốc tế là hai nhiệm vụ chiến lược thực hiện mục tiêu chung là phát triển đất nước, là hai vấn đề hệ trọng có quan hệ mật thiết thúc đẩy lẫn nhau, là hai yếu tố tạo ra động lực mới cho đất nước ta có thể mới, lực mới và gia tốc mới. Thế mới và lực mới là tổng hoà của những thành tựu to lớn, quan trọng do đối mới đem lại, là kết quả thiết thực của việc chủ động tích cực hội nhập quốc tế, tạo thành tổng hợp lực tương hỗ giữa bên trong với bên ngoài, thúc đẩy tăng tốc, tạo gia tốc mới cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Đất nước phơi phơi sức xuân. Với thế mới, lực mới, gia tốc mới của Việt Nam càng được củng cố vì Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng trí tuệ, Đảng của lương tri và niềm tin; nhân dân Việt Nam cần cù, thông minh, sáng tạo, giàu lòng yêu nước, có bản lĩnh và ý chí cách mạng kiên cường; tiềm năng và lợi thế về địa - chính trị, địa - kinh tế, đặc biệt là lợi thế về nguồn lao động dồi dào tràn đầy khát vọng. Sức xuân đất nước cộng hưởng với những yếu tố cơ bản nêu trên trở thành động lực to lớn để đất nước phát triển tăng tốc, vươn tầm ■





NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

# NGHĨA VẤN ĐỀ LÝ LUẬN MỚI VỀ ĐẶC TRƯNG MÔ HÌNH, MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ LỚN CẦN GIẢI QUYẾT TRONG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

● GS, TS LÊ VĂN LỢI

*Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

**X**ây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) là nhiệm vụ lịch sử vĩ đại, mới mẻ không chỉ với dân tộc Việt Nam mà với cả toàn nhân loại. Kinh nghiệm lịch sử cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam xác nhận rằng, sức sống của CNXH hiện thực trước hết phụ thuộc vào năng lực nhận thức và hành động của đảng cộng sản cầm quyền. Những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của đất nước ta đạt được trong 36 năm

qua là kết quả từ sự đổi mới toàn diện, đồng bộ của Đảng ta, trước hết là đổi mới tư duy, nhận thức lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Theo đó, có thể nói, trong thời kỳ đổi mới, chúng ta đã hình thành hệ thống lý luận mới về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Đây là kết quả của sự kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với điều kiện thực tiễn

mới của Việt Nam và xu thế khách quan của thời đại.

Tại Đại hội XIII, Đảng ta đánh giá: “*Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa*”<sup>1</sup>. Tất nhiên, tiến trình cách mạng và công cuộc đổi mới cho thấy, từ bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận khoa học về đổi mới, về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam là lý luận mở, lý luận về sự đổi mới, phát triển, lý luận của sự đổi mới, phát triển. Lý luận về đổi mới, về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam được hình thành, bổ sung, hoàn thiện dần từ thực tiễn, qua thực tiễn đổi mới. Đồng thời, chính thực tiễn đổi mới, xây dựng CNXH ở Việt Nam cũng thường xuyên, liên tục đặt ra những yêu cầu mới và tạo ra điều kiện, tiền đề thực tiễn cần thiết để công tác lý luận thực hiện nhiệm vụ của mình. Vì vậy, để tiếp tục nghiên cứu, tổng

kết, bổ sung, phát triển, hoàn thiện lý luận về đổi mới, về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam nhất thiết phải nhận thức đúng, đầy đủ về thành tựu lý luận mới cũng như nhận diện rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn mới đang đặt ra, nhất là về đặc trưng mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản và các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay.

### **1. Lý luận mới về đặc trưng, mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản và các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

Ngay trong bước đầu đổi mới, Đảng ta đã xác định rõ rằng: “Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có kết quả bằng những quan niệm đúng đắn về CNXH, bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp”<sup>2</sup>. Tuân thủ nguyên tắc đó và xuất phát từ yêu cầu của công cuộc đổi mới, Đại hội VII của Đảng đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, trong đó đã xác định nhiều vấn đề cơ bản về CNXH và con đường đi lên CNXH ở

Việt Nam. Theo đó, cùng với tiến trình đổi mới, những vấn đề lý luận cơ bản về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam được bổ sung, điều chỉnh, phát triển, hoàn thiện qua các nhiệm kỳ Đại hội VIII, IX, X, XI, XII, XIII. Đến nay, qua 36 năm đổi mới, Đảng ta đã hình thành hệ thống lý luận mới về đặc trưng, mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản và các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong xây dựng CNXH ở Việt Nam. Có thể trình bày khái quát thành tựu lý luận mới đó theo các nội dung sau:

**Thứ nhất, lý luận mới về đặc trưng, mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* do Đại hội VII (1991) thông qua xác định mô hình CNXH ở Việt Nam bao gồm 6 đặc trưng cơ bản. Đến Đại hội X và nhất là trong *Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)* do Đại hội XI thông qua, Đảng ta điều chỉnh, bổ sung, xác định mô hình CNXH ở Việt Nam bao gồm 8 đặc trưng cơ bản. Theo đó, xã hội XHCN ở Việt Nam là một xã hội:

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;
- Do nhân dân làm chủ;

- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp;

- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện;

- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển;

- Có Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo;

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Đây là 8 đặc trưng bản chất của xã hội XHCN mà toàn Đảng toàn dân ta xây dựng và sẽ đạt tới thông qua tiến trình đổi mới và công cuộc xây dựng CNXH do Đảng lãnh đạo.

**Thứ hai, lý luận mới về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

Độc lập dân tộc và CNXH luôn là mục tiêu nhất quán, xuyên suốt trong đường lối cách mạng của Đảng. Trong thời kỳ đổi mới, mục tiêu của CNXH ở Việt Nam từng bước được đổi mới, cụ thể hóa, bổ sung và hoàn

thiện. Theo đó, CNXH ở Việt Nam không phải chỉ có một mục tiêu mà có hệ thống các mục tiêu. Tại Đại hội VI, Đảng ta đã xác định đổi mới vì “dân giàu, nước mạnh”. Đến nhiệm kỳ Đại hội VII, Đảng bổ sung mục tiêu “văn minh” và “công bằng” vào hệ mục tiêu thành “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”. Đại hội IX (2001) đã nhấn mạnh và bổ sung vào hệ mục tiêu một mục tiêu quan trọng khác là “dân chủ” thành “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Đến Đại hội XI (2011), Đảng ta đã phát triển nhận thức về mối quan hệ, về vị trí, vai trò của 5 mục tiêu với tư cách là những thuộc tính giá trị bản chất của đổi mới, phát triển và xây dựng CNXH ở nước ta. Theo đó, *Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)* do Đại hội XI thông qua xác định “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” không chỉ là hệ mục tiêu tổng quát của CNXH mà còn là đặc trưng bản chất hàng đầu của mô hình CNXH ở Việt Nam.

*Thứ ba, lý luận mới về phương hướng cơ bản trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*

Để xây dựng thành công CNXH, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* do Đại hội VII (1991) thông qua xác định cần thực hiện 7 phương hướng cơ bản. Qua thực tiễn đổi mới, đến Đại hội XI, trong *Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)* Đảng ta xác định để thực hiện thành công 5 mục tiêu tổng quát và 8 đặc trưng cơ bản của mô hình CNXH ở Việt Nam, cần quán triệt và thực hiện tốt 8 phương hướng cơ bản. Đó là:

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

- Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

- Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

- Xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Đây thực chất là các nhiệm vụ, biện pháp cơ bản, tất yếu để hiện thực hóa các mục tiêu, đặc trưng của xã hội XHCN ở Việt Nam trong bối cảnh mới. Thực hiện tốt các *định hướng* (phương hướng) sẽ dẫn *định hình* CNXH ở Việt Nam<sup>3</sup>.

***Thứ tư, lý luận mới về các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam***

Nắm vững bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong tiến trình đổi mới, Đảng ta rất coi trọng việc nhận thức và giải quyết các vấn đề của đất nước bằng tư duy biện chứng, nhất là các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật, tính quy luật của quá trình đổi mới, xây dựng CNXH ở Việt Nam. *Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)* do Đại hội XI thông qua xác

định có 8 mối quan hệ lớn cần phải nắm vững và xử lý. Đại hội XII (2016) hoàn thiện một mối quan hệ lớn và bổ sung mối quan hệ thứ 9 cần nghiên cứu, giải quyết cả về lý luận và thực tiễn. Tổng kết thực tiễn 35 năm đổi mới, Đại hội XIII (2021) của Đảng bổ sung, điều chỉnh trong diễn đạt các mối quan hệ lớn đã xác định, đồng thời bổ sung thêm mối quan hệ lớn thứ mười. Theo đó, có mười mối quan hệ lớn phản ánh tính quy luật của quá trình đổi mới, xây dựng CNXH ở Việt Nam, đó là mối quan hệ:

- Giữa ổn định, đổi mới và phát triển;

- Giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị;

- Giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng XHCN;

- Giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất XHCN;

- Giữa nhà nước, thị trường và xã hội;

- Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường;

- Giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN;

- Giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế;

- Giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ;

- Giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Đại hội XIII của Đảng xác định, đây là “những mối quan hệ lớn, phản ánh các quy luật mang tính biện chứng, những vấn đề lý luận cốt lõi về đường lối đổi mới của Đảng ta, cần tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện và phát triển phù hợp với thay đổi của thực tiễn; đòi hỏi chúng ta phải nhận thức đúng và đầy đủ, quán triệt sâu sắc và thực hiện thật tốt, có hiệu quả”<sup>4</sup>.

Những nội dung lý luận mới về đặc trưng, mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản và các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong xây dựng CNXH ở Việt Nam chính là những nội dung khái quát, cốt lõi của lý luận về đường lối đổi mới, về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Như đã nói ở trên, lý luận này được *hình thành, bổ sung, hoàn thiện* trong tiến trình đổi mới và *chỉ đạo, soi sáng* tiến trình đổi mới, xây dựng CNXH ở Việt Nam trong hơn 35 năm qua. Đây là cội

nguồn lý luận làm nên những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của đất nước ta trong thời kỳ đổi mới, làm cho tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của nước ta không ngừng nâng cao.

## **2. Những vấn đề lý luận mới đặt ra về đặc trưng mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản và các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay**

Hiện nay, chúng ta đang tiếp tục chứng kiến sự biến đổi to lớn, nhanh chóng, phức tạp và khó đoán định về an ninh, kinh tế, chính trị của khu vực và thế giới. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tạo ra những đột phá, đổi thay to lớn trên nhiều lĩnh vực, đẩy nhanh sự phát triển của kinh tế tri thức, hình thành kinh tế số, xã hội số... song cũng đặt các quốc gia dân tộc trước những thách thức chưa có tiền lệ. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang đứng trước nhiều thách thức... Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn song đấu tranh, xung đột cục bộ và cạnh tranh chiến lược về kinh tế, thương mại, tài nguyên, công nghệ và nhân lực chất lượng cao giữa các nước ngày càng quyết liệt. Kinh tế thế giới tiếp tục



*GS, TS Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương chủ trì Hội thảo quốc gia “Đưa Nghị quyết Đại hội XIII vào cuộc sống: Những vấn đề và thực tiễn mới” \_ Ảnh: TTXVN*

khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng và có thể còn kéo dài do tác động của đại dịch Covid 19 cùng những hệ lụy khó lường từ xung đột ở Ukraina. Những vấn đề toàn cầu, trong đó có an ninh con người, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, những thách thức an ninh phi truyền thống... tiếp tục diễn biến phức tạp. Công cuộc xây dựng và bảo vệ thành quả của CNXH ở các nước trên thế giới tuy đã có

những kết quả quan trọng nhưng cũng đang đối diện với nhiều khó khăn, thử thách to lớn, phức tạp từ nội tại cũng như từ sự chống phá của các thế lực phản động, thù địch.

Ở trong nước, qua hơn 36 năm đổi mới, tiềm lực, vị thế, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế của đất nước đã tăng lên và tạo ra tiền đề, động lực quan trọng để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc

đổi mới với các mục tiêu, nhiệm vụ qua các dấu mốc đến năm 2025, 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Tuy nhiên, “thuyền to, sóng to”, bên cạnh những thuận lợi rất cơ bản, đất nước ta đang đứng trước không ít hạn chế, bất cập, khó khăn, thách thức phức tạp. Đó là sự phát triển chưa bền vững của nền kinh tế, sự già hóa dân số nhanh, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, năng suất lao động thấp và tốc độ, chất lượng công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn nhiều bất cập... Bốn nguy cơ mà Đảng ta chỉ ra vẫn tồn tại và có mặt diễn biến gay gắt, phức tạp không thể xem thường. Trong khi đó, những năm tới nước ta hội nhập quốc tế sâu rộng hơn, sẽ phải chịu những tác động mạnh mẽ, sâu sắc, đa chiều từ tình hình khu vực và thế giới cũng như phải thực hiện đầy đủ, hiệu quả các thỏa thuận, cam kết quốc tế theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới... Bối cảnh, yêu cầu đó tất yếu đặt ra nhiều vấn đề mới cao hơn, toàn diện, bền vững hơn, nặng nề, phức tạp hơn đối với sự nghiệp đổi mới, xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN đòi hỏi phải tổng kết, nghiên cứu, luận giải thỏa đáng,

thuyết phục cả về lý luận và thực tiễn, trước hết vẫn là những khía cạnh liên quan đến các vấn đề căn cốt có tính sống còn đối với công cuộc đổi mới, phát triển đất nước như đặc trưng mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản và các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay.

*Thứ nhất, những vấn đề lý luận đặt ra về đặc trưng, mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*

Mô hình CNXH ở Việt Nam với 8 đặc trưng cơ bản bước đầu được xác định khá toàn diện, vừa kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, vừa phản ánh nhu cầu khách quan của sự phát triển đất nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH và phù hợp với điều kiện Việt Nam cũng như xu thế vận động của thời đại. Nhờ đó, chúng ta đã kết hợp và phát huy mạnh mẽ sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại để đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử trong hơn 35 năm qua.

Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, khi công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu, nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn về cơ sở lý luận, thực tiễn, cấu trúc của



mô hình, nội hàm và biểu hiện các đặc trưng của mô hình CNXH ở Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng<sup>4</sup>. Yêu cầu đặt ra của đất nước trong giai đoạn mới là đổi mới, phát triển đồng bộ, toàn diện, nhanh và bền vững, trong đó, đổi mới, phát triển văn hóa, xã hội phải ngang bằng, đồng bộ, tương thích với đổi mới, phát triển kinh tế và chính trị. Do vậy, phải chăng sự cân đối, hài hòa, đồng bộ cũng phải thể hiện rõ trong các đặc trưng, trụ cột, cấu trúc mô hình CNXH. Theo đó, trong mô hình CNXH ở Việt Nam phải chăng phải có các tiểu mô hình, các trụ cột trong các lĩnh vực đời sống xã hội? Ví dụ: mô hình chính trị dân chủ pháp quyền XHCN Việt Nam bao gồm dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN; mô hình kinh tế XHCN Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; mô hình văn hóa XHCN Việt Nam là nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; mô hình xã hội XHCN là xã hội đoàn kết, đồng thuận, an sinh, văn minh, hài hòa... Tất nhiên, phải thông qua tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận cơ bản

một cách công phu, nghiêm túc, bài bản, kể cả tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, nhất là những mô hình phát triển năng động, sáng tạo, hiệu quả mới có thể có sự luận giải một cách thuyết phục về lý luận để trên cơ sở đó hoạch định đường lối, chính sách đúng đắn, khả thi<sup>5</sup>.

*Thứ hai, những vấn đề lý luận đặt ra về hệ mục tiêu của chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*

Ham muốn tốt bậc và điều mong muốn cuối cùng trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là xây dựng nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh. Theo tinh thần đó, trong thời kỳ đổi mới, phù hợp với bối cảnh mới, Đảng và nhân dân ta cũng đã xác định hệ mục tiêu tổng quát của CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam, đó là “*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”. Hệ mục tiêu này phản ánh nhu cầu của tuyệt đại đa số nhân dân và đó cũng là giá trị, xu hướng vươn tới của nhân loại tiến bộ trong thời đại ngày nay. Do đó, nó đã trở thành điểm chung, tương đồng, quy tụ và động lực để phát huy mọi nguồn lực, sức mạnh của toàn dân tộc cũng như

kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để đổi mới, phát triển đất nước.

Tuy nhiên, thời cơ và thách thức của đất nước trong bối cảnh mới hiện nay đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu, tổng kết, làm rõ, bổ sung, hoàn chỉnh hệ mục tiêu, từ nội dung, nội hàm mục tiêu tổng quát (Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh) đến các mục tiêu, tiêu chí cụ thể, chi tiết trong mỗi lĩnh vực qua mỗi giai đoạn, mỗi bước đi, trong mỗi chính sách, mỗi dấu mốc, qua từng chặng đường của thời kỳ quá độ lên CNXH, nhất là qua dấu mốc đến 2025, 2030 và năm 2045<sup>6</sup>. Ví dụ: Nhân loại nói chung và nhân dân ta nói riêng không chỉ quan tâm đến “*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*” mà hiện cũng rất quan tâm đến giá trị hòa bình, thống nhất, độc lập, mục tiêu, giá trị, chỉ số an ninh, an toàn và tự do, hạnh phúc... Văn kiện Đại hội XIII của Đảng cũng đã nói đến mục tiêu và chỉ số hạnh phúc... Trong điều kiện toàn cầu hóa, cách mạng Việt Nam phải thực sự là một bộ phận của cách mạng thế giới; mục tiêu, mô hình đổi mới, phát triển của Việt Nam

phải phù hợp thực tiễn Việt Nam nhưng cũng phải phù hợp xu thế vận động của thời đại để Việt Nam luôn chủ động, tự tin tiến bước, đồng hành, sánh vai cùng các cường quốc năm châu như tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và ước vọng ngàn đời của toàn dân tộc ta. Vì vậy, hệ mục tiêu của CNXH vẫn là vấn đề lớn, quan trọng cần phải tiếp tục nghiên cứu, luận giải đầy đủ, sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn<sup>7</sup>.

**Thứ ba**, những vấn đề lý luận đặt ra về phương hướng cơ bản trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Qua 35 năm đổi mới, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định tinh thần là: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), trong đó có 8 phương hướng lớn để xây dựng CNXH, tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, ngọn cờ chiến đấu, ngọn cờ quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc phấn đấu vì một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>8</sup>.

Tuy nhiên, trong bối cảnh mới, yêu cầu đặt ra không chỉ là quán triệt đầy đủ, sâu sắc, thực hiện nghiêm túc mà

còn phải nghiên cứu, tổng kết để tiếp tục bổ sung, phát triển, hoàn thiện lý luận về các phương hướng, giải pháp xây dựng CNXH cũng như cụ thể hóa, thể chế hóa nó thành hệ thống các chủ trương, cơ chế, chính sách, pháp luật đồng bộ, khả thi hướng tới các mục tiêu qua các dấu mốc năm 2025, 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, năm 2050. Với tinh thần bảo đảm tính đồng bộ, toàn diện, đột phá để đổi mới, phát triển đất nước nhanh và bền vững, văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định 12 “định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030”. Theo đó, từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII đến nay, chúng ta tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai, tổng kết, nghiên cứu, bổ sung, phát triển, cụ thể hóa các phương hướng, định hướng thành các nghị quyết, kết luận, các chủ trương, chính sách, trong đó có phương hướng, định hướng về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; về hoàn thiện thể chế, chính sách về đất đai; về “tam nông”, về kinh tế tập thể; về định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia; về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp

quyền XHCN Việt Nam; về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị... Trong thời gian tới, công tác lý luận phải tiếp tục góp phần quan trọng trong việc triển khai thực hiện theo kế hoạch, chương trình toàn khóa XIII (nhất là về chính sách xã hội; về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới...); đồng thời, phải tích cực tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, nhất là về các phương hướng, định hướng, giải pháp đột phá để đổi mới, phát triển đất nước nhanh và bền vững trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng và đối ngoại đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và năm 2050 để chuẩn bị thật tốt về tư tưởng, lý luận cho Đại hội XIV cũng như các nhiệm kỳ tiếp theo của Đảng.

***Thứ tư, những vấn đề lý luận đặt ra về các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam***

Thực tiễn đổi mới đất nước hơn 36 năm qua, nhất là những năm gần đây cho thấy, 10 mối quan hệ lớn phản ánh các quy luật mang tính biện chứng,

phản ánh những vấn đề lý luận cốt lõi về đường lối đổi mới của Đảng ta. *Giải quyết các mối quan hệ lớn* là tổng thể các biện pháp, giải pháp cần thiết về nhận thức và hành động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta để các mối quan hệ khách quan biện chứng vận hành, tác động phù hợp các yêu cầu, nhiệm vụ, phương hướng, mục tiêu của sự nghiệp đổi mới, xây dựng CNXH.

Các mối quan hệ lớn này nảy sinh, tồn tại và chịu nhiều tác động phức tạp, đa chiều từ các nhân tố trong nước và quốc tế nên nó luôn đặt ra những mâu thuẫn, những vấn đề phức tạp, bức xúc, gay gắt cần nhận thức, giải quyết cả về lý luận và thực tiễn. Nhận thức, giải quyết được mối quan hệ này, thì mối quan hệ khác với tính chất, mức độ, yêu cầu có thể cao hơn, phức tạp hơn lại nảy sinh, nhất là khi trình độ dân trí, trình độ kinh tế xã hội, tiềm lực quốc gia và mức độ hội nhập quốc tế của đất nước ngày càng sâu rộng. Theo đó, sẽ không có chuyện giải đáp, giải quyết các mối quan hệ lớn chỉ trong một lần là xong. Tính biện chứng “phù hợp” - “không phù hợp” - “phù hợp”...

giữa các mặt trong mỗi mối quan hệ là vô cùng, vô tận. Vì vậy, trong điều kiện mới, đòi hỏi chúng ta phải nhận thức đúng và đầy đủ, quán triệt sâu sắc và thực hiện thật tốt, có hiệu quả cả 10 mối quan hệ lớn nói trên, xét cả về lý luận và thực tiễn, cả về vĩ mô và vi mô trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Tuyệt đối không được cực đoan, phiến diện”<sup>10</sup>.

*Tóm lại*, từ những lý giải, phân tích ở trên, cần khẳng định lại rằng: lý luận về đổi mới, về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam được hình thành, bổ sung, hoàn thiện dần qua thực tiễn đổi mới. Và chính thực tiễn đổi mới, xây dựng CNXH ở Việt Nam cũng thường xuyên, liên tục đặt ra những yêu cầu mới, những vấn đề mới và tạo ra tiền đề thực tiễn cần thiết để công tác lý luận thực hiện nhiệm vụ của mình. Vì vậy, nhận thức đúng, đầy đủ về *thành tựu lý luận mới* cũng như nhận diện rõ *những vấn đề lý luận, thực tiễn mới đang đặt ra*, nhất là về đặc trưng mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản và các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay là việc làm cần thiết để

tiếp tục nghiên cứu, tổng kết, bổ sung, phát triển, hoàn thiện lý luận về đổi mới, về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam. Qua đó, như đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã định hướng, công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận phải góp phần quan trọng để đến năm 2025 “hoàn thiện cơ bản hệ thống lý luận về đường lối đổi mới”, đến năm

2030 “có thể bổ sung, phát triển Cương lĩnh đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới; bổ sung, làm phong phú và tiến thêm một bước để hoàn thiện hơn nền tảng tư tưởng của Đảng” và đến năm 2045, “khi nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao thì chúng ta sẽ có một hệ thống lý luận hoàn chỉnh, khoa học và hiện đại về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam”<sup>11</sup> ■

<sup>1, 4, 9, 10</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr.103, 39, 105, 39.

<sup>2</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đảng toàn tập, t.49, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.591.

<sup>3</sup> Xem thêm ĐCSVN: Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.212.

<sup>5</sup> Xem thêm Trần Quốc Toàn: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển đất nước: Hiện trạng - vấn đề đặt ra - định hướng trong giai đoạn mới, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020, tr.373-374.

<sup>6, 11</sup> Xem Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2022, tr.280, tr.278-279.

<sup>7</sup> Xem Phạm Văn Linh: Xây dựng hệ chỉ tiêu thực hiện mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr 199-204.

<sup>8</sup> Xem thêm Hội đồng lý luận Trung ương: 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020, tr.366-367.

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA TRÍ THỨC NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

● TS NGUYỄN MINH VŨ

*Ủy viên Dự khuyết Trung ương Đảng,  
Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao*

## I. Tình hình và kết quả thu hút trí thức NVNONN phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc thời gian qua

Người Việt Nam ở nước ngoài (NVNONN) hiện nay có khoảng 5,3 triệu người, đang sinh sống, làm việc trên 130 quốc gia và vùng lãnh thổ. Theo số liệu ước tính, trong số đó có khoảng hơn 600 nghìn trí thức, với hơn 7 nghìn tiến sĩ và hàng trăm trí thức tên tuổi có uy tín quốc tế, tập trung chủ yếu ở các nước thuộc khối phương Tây. Đây là những người được đào tạo bài bản ở các nước tiên tiến, có kinh nghiệm thực tiễn, làm việc trong môi trường khoa học, công nghệ

phát triển cao, làm chủ các phương pháp quản lý kinh tế chuyên nghiệp, và đặc biệt có quan hệ sâu rộng ở nước sở tại cũng như trên thế giới. Nhiều người giữ các vị trí quan trọng trong các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, bệnh viện, doanh nghiệp và tổ chức quốc tế. Thêm vào đó, đội ngũ các nhà khoa học và chuyên gia gốc Việt thế hệ thứ 2, thứ 3 cũng đang trưởng thành, tập trung ở nhiều lĩnh vực khoa học chuyên ngành và kinh tế mũi nhọn của thế giới như công nghệ điện tử - thông tin, công nghệ sinh học, khoa học vũ trụ, vật liệu mới, công nghệ nano, năng lượng, y học, các lĩnh vực

của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 như trí tuệ nhân tạo (AI), học máy (machine learning), dữ liệu lớn (big data), các lĩnh vực quản lý kinh tế, ngân hàng, chứng khoán. Riêng tại Thung lũng Silicon, các kỹ sư công nghệ người Việt chiếm từ 2-3% nhân sự tại các công ty, tập đoàn đang hoạt động ở đây, trong đó 2% giữ các cương vị chủ chốt. Những số liệu này là minh chứng sinh động nhất cho thấy tiềm năng, tiềm lực to lớn của cộng đồng NVNONN nói chung và lực lượng chuyên gia, trí thức, nhà khoa học kiều bào nói riêng.

Trong thời kỳ đấu tranh, bảo vệ Tổ quốc, công tác huy động nguồn lực trí thức người Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện chủ yếu bằng biện pháp dân vận với sự tham gia trực tiếp của lãnh đạo cấp cao, khơi dậy lòng yêu nước và mong muốn đóng góp cho đất nước trong cộng đồng. Lãnh đạo

Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Bác Hồ đã trực tiếp phát đi lời kêu gọi, tổ chức các cuộc vận động bà con kiều bào khắp nơi trên thế giới, trong đó có lực lượng trí thức NVNONN đóng

**Người Việt Nam ở nước ngoài (NVNONN) hiện nay có khoảng 5,3 triệu người, đang sinh sống, làm việc trên 130 quốc gia và vùng lãnh thổ. Theo số liệu ước tính, trong số đó có khoảng hơn 600 nghìn trí thức, với hơn 7 nghìn tiến sỹ và hàng trăm trí thức tên tuổi có uy tín quốc tế, tập trung chủ yếu ở các nước thuộc khối phương Tây.**

góp tài lực, vật lực với mục tiêu là huy động mọi sự ủng hộ và đóng góp để giành thắng lợi cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Trong giai đoạn này, dưới sự vận động, cảm hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều trí thức NVNONN đã quay về dốc sức phục vụ cho cuộc kháng chiến của nước nhà, trong đó có thể kể đến nhiều tên tuổi nổi bật như kỹ sư Trần Đại Nghĩa, kỹ sư Võ Quý

Huân, bác sỹ Trần Hữu Tước... Họ đã đóng góp nhiều phát kiến quan trọng về kỹ thuật quân sự cũng như quân y giúp tăng năng lực của bộ đội ta trong thời kỳ kháng chiến.

Sau thống nhất, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục có chủ trương huy động cao

nhất sự tham gia của kiều bào vào công cuộc khôi phục sau chiến tranh, tăng cường đóng góp xây dựng và bảo vệ đất nước, tham gia vận động dư luận quốc tế chống bao vây, cấm vận. Hiểu rõ những khó khăn, thiếu thốn trong nước, nhiều trí thức kiều bào đã phát động phong trào vận động quyên góp sách báo, tài liệu khoa học kỹ thuật, trang thiết bị đã qua sử dụng gửi về nước. Tại một số quốc gia đã hình thành Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam hoặc các nhóm đóng góp khoa học kỹ thuật, cử người về nước tìm hiểu nhu cầu, khả năng hợp tác, xây dựng các đề án, chương trình hợp tác với trong nước, huy động khả năng của các thành viên của Hội và của bạn bè sở tại.

Công tác NVNONN nói chung và công tác thu hút nguồn lực trí thức NVNONN nói riêng đã thực sự được quan tâm, thúc đẩy, trở thành nhận thức chung của tất cả các cơ quan trong hệ thống chính trị và của toàn

dân kể từ khi NQ 36-NQ/TW của Bộ Chính trị được ban hành ngày 26/3/2004. Đây có thể được coi là văn kiện có ý nghĩa lịch sử, có giá trị cơ bản, to lớn, toàn diện và lâu dài thể hiện sâu sắc tư duy đổi mới của Đảng ta về công tác này. Đây cũng là cơ sở

để nhiều chủ trương, chính sách nhằm tạo môi trường “mở” cho các chuyên gia, trí thức NVNONN có thể đóng góp cho đất nước đã được liên tục ban hành thời gian qua.

**Đáp lại mong muốn của Đảng và Nhà nước, cộng đồng chuyên gia, trí thức, nhà khoa học kiều bào luôn hướng về quê hương, chủ động bày tỏ nguyện vọng được đồng hành cùng Chính phủ và nhân dân trong nước đóng góp cho sự vươn lên mạnh mẽ của đất nước.**

Đáp lại mong muốn của Đảng và Nhà nước, cộng đồng chuyên gia, trí thức, nhà khoa học kiều bào luôn hướng về quê hương, chủ động bày tỏ nguyện vọng

được đồng hành cùng Chính phủ và nhân dân trong nước đóng góp cho sự vươn lên mạnh mẽ của đất nước. Trong năm 2017, lần đầu tiên đã có bốn (04) chuyên gia là NVNONN tham gia vào Tổ Tư vấn Kinh tế của Thủ tướng Chính Phủ nhiệm kỳ 2016-2021, trực tiếp tham gia vào quá trình



tham mưu, tư vấn chính sách cho Chính phủ nhằm từng bước tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước như năng lượng sạch, công nghệ xanh, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững...

Bên cạnh đó, nhiều chuyên gia là NVNONN đã chuyển về sinh sống, làm việc lâu dài ở trong nước và có nhiều đóng góp thiết thực cho sự phát triển của đất nước, cụ thể như Giáo sư Trần Thanh Vân (kiểu bào Pháp), về nước thành lập Quỹ Học bổng Odon Vallet dành cho các sinh viên, học sinh trung học xuất sắc và các em ở các làng S.O.S Việt Nam trong cả nước, xây dựng Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành (ICISE) tại Quy Nhơn, Bình Định để ươm mầm, nuôi dưỡng thế hệ tài năng trẻ của Việt Nam trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên; Giáo sư Đặng Lương Mô (kiểu bào Nhật Bản) đã đề xuất thiết lập và làm cố vấn cho Trung tâm nghiên cứu và đào tạo thiết kế vi mạch (ICDREC) và nhờ sự hỗ trợ của Giáo sư, trung tâm này đã nhận được sự tài trợ của công ty Synopsys (Nhật Bản), đây là

tiền đề cho việc sản xuất con chip 8-bit đầu tiên của Việt Nam; TS Trịnh Quang Toàn (kiểu bào Hoa Kỳ), trưởng phòng nghiên cứu khí tượng thủy văn tại Đại học California, Davis về nước thực hiện dự án chuyển giao công nghệ tính toán mưa lũ lớn trong điều kiện hạn chế hoặc không có dữ liệu tại sông Đà và sông Thao...

Theo số liệu ước tính của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài - Bộ Ngoại giao, hằng năm trung bình có khoảng 300-500<sup>1</sup> lượt chuyên gia, trí thức, nhà khoa học NVNONN về nước tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ, triển khai các dự án hợp tác trong giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu phát triển (R&D) trên nhiều lĩnh vực, qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

Đặc biệt trong thời gian qua, bắt đầu xuất hiện nhiều nhóm trí thức người Việt Nam đa quốc gia, xuyên biên giới như Mạng lưới đổi mới sáng tạo Việt Nam hay Mạng lưới người Việt có tầm ảnh hưởng. Sự kết nối

người Việt trên toàn cầu đang tạo ra các cơ chế làm việc, hợp tác ngày càng linh hoạt cho các chuyên gia trong và ngoài nước khi tham gia vào các dự án, chương trình nằm trong chiến lược phát triển quốc gia của Việt Nam. Gần đây nhất, tháng 12/2021, Mạng lưới các Hội trí thức kiều bào hỗ trợ đổi mới sáng tạo và thương mại hoá công nghệ đã ra mắt, được điều hành bởi 21 Chủ tịch của các Hội trí thức kiều bào tiêu biểu đến từ 15 quốc gia, hầu hết là từ các nước phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Đức... Đây là bước tiến quan trọng trong công tác thu hút nguồn lực trí tuệ của NVNONN, đồng thời mở ra một hướng đi mới, không chỉ kết nối các chuyên gia, trí thức ở các nước lại với nhau để giao lưu, đóng góp về khoa học, học thuật mà còn kết nối mạng lưới trí thức kiều bào với các cơ quan, nhà khoa học, trung tâm nghiên cứu trong nước.

Có thể nói, sự đóng góp của các cá nhân NVNONN là chuyên gia, trí thức, nhà khoa học trong thời gian qua đã khẳng định tình yêu nước sâu nặng và tinh thần nhiệt huyết cháy bỏng luôn khát khao cống hiến trí tuệ cho quê hương, đất nước.

## II. Một số vấn đề tồn tại trong công tác huy động trí thức NVNONN và nguyên nhân:

### Một số tồn tại:

**Hiện nay, các bộ ngành và địa phương trong nước thường xuyên triển khai nhiều biện pháp đa dạng để thu hút nguồn lực của trí thức kiều bào. Tuy nhiên, kết quả đạt được còn chưa được như mong muốn và chưa tương xứng với tiềm năng to lớn của kiều bào.**

Hiện nay, các bộ ngành và địa phương trong nước thường xuyên triển khai nhiều biện pháp đa dạng để thu hút nguồn lực của trí thức kiều bào. Tuy nhiên, kết quả đạt được còn chưa được như mong muốn và chưa tương xứng với tiềm năng to lớn của kiều bào.

Số lượng trí thức, chuyên gia, nhà khoa học NVNONN về nước trực tiếp tham gia đóng góp và xây dựng đất nước còn rất khiêm tốn, hiện mới dừng lại ở mức gần 300 - 500 người/năm trên tổng số 600 nghìn trí thức người Việt

Nam đang làm việc trong các cơ sở khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học và cơ sở kinh doanh ở nước ngoài, tức chỉ tương đương chưa đến 0,1%. Số lượng trí thức ngày càng tăng do số lượng sinh viên đi học nước ngoài càng nhiều. Ngoài một số ít cá nhân đã về nước lâu năm, còn lại phần lớn về nước giảng dạy, tham dự hội thảo, tặng trang thiết bị hoặc tham gia chương trình, dự án song phương trong một khoảng thời gian nhất định. Do đó, trí thức kiều bào chưa thể “bám rễ”, kết nối với đồng nghiệp trong nước, chưa phát huy được hết thế mạnh của mình.

Các bộ, ngành, địa phương, các trường đại học, viện nghiên cứu đều có nhu cầu thu hút chuyên gia, trí thức kiều bào về hợp tác, làm việc, tuy nhiên chưa có các chương trình, dự án khả thi; vai trò của trí thức kiều bào mới được đề cập chung chung trên nhiều văn bản giấy tờ, kết quả của các cuộc hội nghị, hội thảo không được triển khai trên thực tế hoặc các kiến nghị, đề xuất của kiều bào chưa được giải quyết. Các bộ ngành, địa phương chưa xác định được nhu cầu sử dụng cũng như thiếu thông tin về chuyên gia, trí

thức NVNONN nên rất khó trong việc tham khảo và sử dụng...

Dù xuất hiện ngày càng nhiều các gương mặt người gốc Việt có uy tín trên chính trường các nước nhưng chưa tận dụng được tầm ảnh hưởng và tiếng nói của họ để ủng hộ Việt Nam trên trường quốc tế, chưa tranh thủ được họ để nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại (như trong việc đưa mối quan hệ với các nước đi vào chiều sâu). Có thể nhận thấy các nhân vật gốc Việt có uy tín trong hoạt động chính trị của mình hiếm khi lên tiếng về những vấn đề liên quan tới lợi ích của Việt Nam cũng như rất ít đề cập đến mối liên hệ giữa họ với đất nước, cho thấy việc thu hút nguồn lực của đối tượng này chưa được triển khai hiệu quả.

Việc đầu tư về tài chính và nhân lực trong nước dành cho việc thu hút nguồn lực của chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài còn khiêm tốn.

### **Nguyên nhân**

*a. Vấn đề chủ trương, chính sách:*

*- Việc ban hành và triển khai thực hiện một số cơ chế, chính sách, quy định pháp luật liên quan đến thu hút người*

*lực người Việt Nam ở nước ngoài nói chung và trí thức người Việt Nam ở nước ngoài nói riêng vẫn còn nhiều bất cập.* Nhìn chung, các chính sách đã được ban hành chưa đủ mạnh, nhiều chế độ ưu đãi hiện nay không còn phát huy hiệu quả; các chính sách cũng chưa đủ tạo một khung chế độ đãi ngộ cụ thể, hấp dẫn về điều kiện sống, làm việc và học tập cho NVNONN và gia đình, con em họ khi về nước làm việc. Hiện nay, với việc thực hiện Luật cư trú, Luật Xuất nhập cảnh, Luật Nhà ở và Luật Đất đai, vấn đề cư trú, xuất nhập cảnh, sở hữu nhà ở không còn là vướng mắc với NVNONN nói chung, nhưng lại không còn là ưu đãi đối với chuyên gia, trí thức, doanh nhân NVNONN nói riêng.

Mặc dù đã ban hành một số Nghị định nhằm thu hút cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học tại Việt Nam (Nghị định 87/2014/NĐ-CP; Nghị định 40/2014/NĐ-CP; Nghị định 27/2020/NĐ-CP) với quy định tương đối đầy đủ về tuyển dụng, tiền lương, nhà ở, tiếp cận thông tin, khen thưởng, vinh danh và nhiều chính sách khác, tuy nhiên, thực tiễn thi hành các văn

bản này gặp nhiều khó khăn do thiếu các văn bản hướng dẫn kịp thời, đồng bộ<sup>2</sup>. Đến nay, chỉ có một số tổ chức, địa phương trong nước thực sự quan tâm và thu hút được sự tham gia của trí thức kiều bào (như TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội, Đại học Quốc gia), còn lại hầu hết khá thụ động trong triển khai việc thu hút lực lượng này.

Việc triển khai chính sách tại một số cơ quan còn chưa cởi mở, có nơi còn yêu cầu các thủ tục hành chính không cần thiết, gây khó khăn cho các trí thức, chuyên gia NVNONN có nhu cầu về nước làm việc.

Bên cạnh đó, các quốc gia láng giềng như Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia có nhiều chiến dịch thu hút các chuyên gia, trí thức trình độ cao, nhân tài bằng những dự án lớn và lương bổng hấp dẫn nên Việt Nam khó có lợi thế cạnh tranh trong khu vực. Trong khi đó, ở Việt Nam, nhất là ở cấp địa phương còn thiếu các chương trình, dự án hợp tác cụ thể, khả thi, chế độ đãi ngộ, thu nhập cho kiều bào còn nhiều hạn chế, thiếu sức cạnh tranh, thiếu hấp dẫn. Vì vậy kiều bào mặc dù quan tâm và có khả năng đóng góp nhưng chưa có điều kiện thực hiện.

Ngoài ra những đề xuất, kiến nghị, các công trình nghiên cứu, các đối tác nước ngoài do kiểu bào giới thiệu chưa có sự tiếp nối, ứng dụng, đưa vào thực tiễn, thậm chí không được phản hồi, tiếp thu, khiến kiểu bào nản lòng. Chưa thường xuyên chủ động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và những kiến nghị của bà con kiều bào để kịp thời phản ánh với chính quyền các cấp nhằm giúp đỡ, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của kiều bào cũng như các công việc có liên quan đến công tác người Việt Nam ở nước ngoài, tạo sự gắn bó lâu dài với người Việt Nam ở nước ngoài. Điều này gây ra ảnh hưởng tiêu cực trong kiều bào, tạo cho bà con tâm lý không được tôn trọng, lắng nghe, đồng cảm và làm giảm nhiệt huyết của bà con khi đầu tư, hoạt động trong nước. Trong khi, mặc dù khu vực tư đã xuất hiện một số doanh nghiệp, tổ chức sẵn sàng “chiêu mộ” trí thức kiều bào, nhưng số lượng chưa nhiều, khả năng tài chính chưa mạnh để có thể trả lương cho các chuyên gia, trí thức NVNONN có trình độ cao. Sự hỗ trợ của nhà nước, kể cả dưới hình thức tài chính lẫn chính sách đối với khu vực tư trong việc sử dụng nguồn lực này là cần thiết.

*b. Các vấn đề khách quan về kinh tế - xã hội:* điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nghiên cứu khoa học và môi trường học thuật chuyên nghiệp còn hạn chế. Bên cạnh đó là những khác biệt về thể chế, rào cản ngôn ngữ, nhận thức không tương đồng về các vấn đề, đặc biệt các vấn đề chuyên môn sâu giữa chuyên gia, trí thức NVNONN và các đồng nghiệp trong nước.

Hiện nay, chúng ta chưa có cơ sở dữ liệu mở có khả năng liên kết mạng lưới cộng đồng trí thức kiều bào trên thế giới, vừa cập nhật hồ sơ của các cá nhân và chia sẻ thông tin về nhu cầu thu hút ở trong nước, vừa trở thành một diễn đàn tăng cường kết nối trí thức Việt ở trong cũng như ngoài nước. Đây không chỉ là cơ sở dữ liệu mà còn là một mạng lưới có sự điều phối cũng như có các hoạt động để tăng cường hiệu quả liên kết của các thành viên. Điều này đặc biệt cần thiết vì hiện nay trong nước đang rất cần trí thức và kinh nghiệm của các chuyên gia kiều bào giỏi để hợp tác phát triển một số lĩnh vực công nghệ cao đang được Chính phủ ưu tiên hiện nay như công nghệ điện hạt nhân, vũ trụ, tự động hóa, vật liệu mới, công nghệ sinh học...

*c. Nguyên nhân về bộ máy tổ chức và con người*

Bộ máy tổ chức, cán bộ cho công tác cộng đồng cả ở trong và ngoài nước chưa đáp ứng với tình hình và nhiệm vụ đặt ra. Cơ quan chuyên trách về vấn đề kiều bào là Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Ngoại giao và cán bộ phụ trách cộng đồng tại cơ quan đại diện chưa được đầu tư đúng mức về nhân lực, cả về số lượng và chất lượng để triển khai được tối đa các công tác hỗ trợ và vận động kiều bào.

Sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài nói chung và công tác thu hút nguồn lực trí thức kiều bào chưa chặt chẽ, đồng bộ. Nhiều bộ, ban, ngành, cơ quan địa phương chưa xác định được nhu cầu sử dụng cũng như thiếu thông tin về chuyên gia, trí thức, doanh nhân kiều bào, thậm chí có nơi còn cho rằng, công tác về người Việt Nam ở nước ngoài chỉ do cơ quan chuyên trách thực hiện, vì vậy chưa chủ động liên lạc, thu hút nguồn lực của kiều bào về địa phương, lĩnh vực mình phụ trách. Nhiều địa phương có cách hiểu, thực

hiện một số quy định pháp luật liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài<sup>3</sup> chưa thống nhất, chưa đúng quy định, gây ra khó khăn cho kiều bào. Ở nhiều cấp độ còn chưa hết thành kiến, còn tâm lý e ngại hoặc coi nhẹ vai trò đóng góp của kiều bào, một số nơi còn mang tư tưởng cảnh giác, phân biệt, coi kiều bào là người nước ngoài, là đối tượng riêng, cần phải đối xử như người nước ngoài, không đồng nhất với người Việt trong nước. Điều này đi ngược lại với tinh thần chỉ đạo xuyên suốt của Đảng và Nhà nước coi người Việt Nam ở nước ngoài “là một bộ phận không tách rời” của dân tộc.

### **III. Một số giải pháp phát huy vai trò của trí thức người VNONN trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc:**

Qua thực tiễn và kết quả công tác thu hút nguồn lực NVNONN đã cho thấy, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng nguồn lực trí thức NVNONN và tận dụng, phát huy được vai trò của nguồn lực này trong công cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc cũng như quá trình xây dựng và phát triển đất nước ngày nay. Trong những bối cảnh lịch sử, hoàn cảnh khác nhau, nguồn lực trí thức NVNONN được tập trung

huy động khác nhau để phục vụ mục đích của từng giai đoạn. Đặc biệt, giai đoạn từ sau năm 2004 sau khi Nghị quyết 36 ra đời, với việc vị trí, vai trò của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và các nguồn lực kiều bào ngày càng được nhận thức đầy đủ và quan tâm coi trọng, công tác thu hút nguồn lực trí thức kiều bào đã được triển khai một cách toàn diện, kết hợp hài hòa giữa các biện pháp dân vận và các biện pháp mang tính quản lý nhà nước. Việc thu hút nguồn lực trí thức kiều bào được thực hiện một cách khéo léo, hợp lý và không ngừng có sự điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng của người Việt Nam ở nước ngoài.

Trong thời gian tới, nguồn lực kiều bào nói chung và nguồn lực trí thức nói riêng sẽ ngày càng có vai trò quan trọng hơn nữa trong việc phát triển kinh tế - xã hội trong nước và củng cố vị thế của Việt Nam trên trường quốc

tế. Để tăng cường hiệu quả thu hút nguồn lực này nhằm phục vụ sự nghiệp đổi mới, trước hết là góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng với định hướng năm 2030, tầm nhìn năm 2045 vì một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng, Bộ Ngoại giao xin kiến nghị một số giải pháp sau:

**(i) Giải pháp về thông tin, tuyên truyền**

Cần tiếp tục tăng cường quán triệt sâu rộng chủ trương của Đảng và Nhà nước, nâng cao nhận thức chung của tất cả các Bộ, ngành, địa phương về công tác vận động, thu hút chuyên gia, trí thức NVNONN.

Tăng cường thông tin trong nước để quán triệt chủ trương đại đoàn kết dân tộc; nhận thức rõ tiềm năng và nhu cầu hợp tác cụ thể để thu hút chuyên gia, trí thức NVNONN; tạo sự đồng thuận trong xã hội khi có những chính sách ưu đãi chuyên gia, trí thức chênh lệch với mặt bằng trong nước.

Đẩy mạnh công tác thông tin cho cộng đồng và chuyên gia, trí thức



*Ban Đối ngoại Trung ương và Ban Cán sự đảng Bộ Ngoại giao đồng chủ trì Hội thảo khoa học với chủ đề: “Thu hút, tập hợp đội ngũ trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài”, Hà Nội, ngày 30/11/2022 \_ Ảnh: vspace.global*

NVNONN nhằm kích lệ tinh thần yêu nước, trách nhiệm với quê hương trong việc đóng góp theo khả năng và điều kiện của mình để thực hiện công tác xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Động viên, biểu dương kịp thời các cá nhân, tổ chức thu hút, hợp tác có hiệu quả với chuyên gia, trí thức NVNONN, coi đây là mô hình kiểu mẫu để áp dụng ở các địa phương, đơn vị khác. Cần nghiên cứu, xem xét việc đơn giản hóa các thủ tục khen thưởng

đối với các chuyên gia, trí thức kiều bào có thành tích xuất sắc, nhiều đóng góp cho đất nước. Thực tế, để có được danh hiệu khen thưởng, kiều bào phải thông qua rất nhiều thủ tục rườm rà, thời gian chờ đợi dài, tạo cho họ cảm giác họ phải “đi xin” danh hiệu đó thay vì được Nhà nước trân trọng trao tặng.

**(ii) Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách:**

**Chính sách về trọng dụng,** cần sớm ban hành các văn bản hướng dẫn cụ



thể đối với Nghị định 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014, Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 và Nghị định 27/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là NVNONN và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

Nhà nước có thể ban hành những chính sách cho phép bổ nhiệm chuyên gia, trí thức NVNONN có năng lực vào các vị trí lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan cấp Cục, Vụ, Viện hoặc Trưởng phòng thí nghiệm, Tổng Công trình sư, Giám đốc dự án... Đồng thời, không chỉ chú trọng vào các chuyên gia, trí thức đã thành danh ở nước ngoài mà cần mạnh dạn tin dùng và tạo cơ hội cho các tài năng trẻ tuổi. Có thể xem xét khả năng ban hành quy chế theo hướng mở rộng phân cấp và tăng tính tự chủ cho các bộ ngành, địa phương hay các đơn vị cơ sở của các cơ quan nghiên cứu khoa học, đào tạo có nhu cầu sử dụng chuyên gia, trí thức NVNONN về làm việc hoặc nghiên cứu khả năng trao quyền cho người đứng đầu (Bộ/địa phương) chịu trách nhiệm xem xét đặc cách lựa

chọn, tuyển dụng những cá nhân thực sự có tài năng (có thể miễn, đơn giản hóa một số quy định mang tính hành chính, thủ tục).

Bên cạnh đó, cần chú trọng thu hút những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc từ các nước trở về; có chính sách sử dụng những lao động có kỹ năng, tay nghề được tu nghiệp tại các nước phát triển.

Mỗi bộ ngành, địa phương cần dựa trên đặc điểm và nhu cầu thực tiễn để xây dựng những chiến lược và chính sách linh hoạt nhằm trọng dụng nguồn nhân lực tài năng phù hợp. Tránh trường hợp áp dụng rập khuôn, máy móc, hưởng ứng theo phong trào, không thiết thực, hiệu quả, gây lãng phí nguồn chất xám của đất nước. Cùng với đó cũng cần biểu dương, khuyến khích, nhân rộng các mô hình, cách làm hay, sáng tạo về thu hút, trọng dụng nhân tài ở các bộ ngành, địa phương để áp dụng ở các nơi khác; kết hợp tuyên truyền, quảng bá thông tin để tạo động lực cũng như sức lan tỏa đối với cộng đồng trí thức NVNONN, qua đó tạo sức hút đối với những cá nhân điển hình đã có thời gian sinh sống, học tập hoặc thành danh ở nước ngoài.

Cần phải có chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với chuyên gia, trí thức NVNONN. Việt Nam có thể học tập kinh nghiệm của Trung Quốc. Nhờ có chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ mà kiều dân mới thấy những đóng góp của họ được trọng dụng một cách xứng đáng và tạo được động lực khuyến khích họ trở về quê hương xây dựng và phát triển đất nước.

Bên cạnh quản lý nhà nước, để thu hút được nguồn lực trí thức của kiều bào, cần chú trọng công tác dân vận, mở rộng tiếp xúc và có biện pháp vận động phù hợp đối với những trí thức kiều bào có uy tín, tầm ảnh hưởng ở các nước.

**Chính sách về đãi ngộ**, khi quyết định trở về Việt Nam làm việc, các chuyên gia, trí thức NVNONN và gia đình phải hy sinh cuộc sống ổn định, vị thế đã được khẳng định và nhiều lợi ích khác đang được hưởng ở nước ngoài. Để huy động được những nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia giỏi phải có chính sách trọng đãi hợp lý, đảm bảo những điều kiện sống ổn định, cung cấp nhà ở, bảo hiểm y tế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giáo

dục con cái của họ, để họ có thể yên tâm làm việc mà không lo lắng đến những vấn đề khác.

Nhà nước cần xây dựng chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với chuyên gia, trí thức NVNONN có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tư vấn về quản lý, điều hành, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cao về nước tham gia các đề án, chương trình cấp Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Chế độ trả lương trong thời gian thực hiện Dự án và hợp đồng lao động được thỏa thuận và ký kết giữa chuyên gia, trí thức NVNONN với các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trong nước (không áp mức lương trần). Ngoài lương, Nhà nước cấp nhà công vụ, hỗ trợ các khoản phụ cấp và đãi ngộ khác như vé máy bay cho cá nhân kiều bào và gia đình, trợ cấp thuê chỗ ở, phương tiện đi lại trong thời gian làm việc trong nước. Đối với khu vực tư nhân có sử dụng chuyên gia, trí thức NVNONN có trình độ cao, thuộc lĩnh vực ưu tiên, Nhà nước có thể hỗ trợ trực tiếp tài chính hoặc bằng cơ chế thuận lợi.

Có thể nghiên cứu, xây dựng mô hình thí điểm thu hút NVNONN có

trình độ về nước phát triển khoa học công nghệ. Thành lập một số trung tâm trong một số ngành mũi nhọn và lĩnh vực ưu tiên hiện nay, là đầu mối kết nối với các trung tâm nghiên cứu xuất sắc trên thế giới và là đầu tàu nhằm cải tiến nền khoa học công nghệ nước nhà. Phải tạo dựng những trung tâm đó thành môi trường “thiên đường” với đầy đủ điều kiện để hấp dẫn sự trở về lâu dài của các nhân tài NVNONN và họ có thể phát huy được tối đa sở trường của mình, cống hiến hết mình cho công việc. Công tác tuyển dụng tại trung tâm cũng phải được tiến hành công khai, minh bạch để ngay từ đầu tuyển chọn được đội ngũ nhân lực nòng cốt, chuyên nghiệp cả về chuyên môn, kỹ thuật và hành chính, đặc biệt là người đứng đầu. Thành lập Hội đồng tuyển chọn độc lập gồm các nhà khoa học kiều bào cùng chuyên gia nhân lực nước ngoài uy tín để sàng lọc ứng viên, sau đó Hội đồng tuyển dụng trong nước sẽ lựa chọn từ những ứng viên đó. Tại đây cũng cần có cơ chế đặc biệt nhằm đảm bảo môi trường tự do học thuật theo tiêu chuẩn quốc tế với nguồn tài chính dồi dào (Nhà nước có thể hỗ trợ thời

gian đầu), cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, hiện đại ngang tầm thế giới cũng như mức đãi ngộ xứng đáng với năng lực.

### (iii) Nhóm giải pháp về kinh phí

Hiện nay ngân sách cấp cho Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài – đơn vị chuyên trách về công tác đối với NVNONN để triển khai các hoạt động vận động, thu hút nguồn lực trí thức NVNONN còn rất hạn chế. Với nguồn lực ngân sách hạn chế, đã đến lúc cần rà soát và cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong việc sử dụng ngân sách thực hiện nhiệm vụ này, việc này sẽ hiệu quả nếu các bộ, ngành tăng cường hơn nữa cơ chế phối hợp, xây dựng những kế hoạch, đề án đối với từng lĩnh vực cụ thể, đưa ra mục tiêu và đề xuất ngân sách cho các hoạt động của các đề án này.

Ngoài ra, cần đầu tư nguồn lực cho việc xây dựng và triển khai các kế hoạch, đề án phục vụ thu hút nguồn lực kiều bào gồm: hỗ trợ cho các chuyên gia, trí thức NVNONN về nước làm việc (tiền ăn, ở, đi lại trong nước); thành lập một số trung tâm xuất sắc theo chuẩn mực quốc tế

trong vài ngành mũi nhọn và lĩnh vực ưu tiên hiện nay của Việt Nam, từ đó chiêu mộ những nhân tài, chuyên gia, trí thức NVNONN về làm việc và nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực nội sinh về khoa học, công nghệ của đất nước; cung cấp cho vay tín dụng ưu đãi khi kiều bào thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam (đây là một trong những nội dung thuộc “Chính sách Hoa vận” đã được Trung Quốc áp dụng rất thành công để kêu gọi được 25% trong số những người Hoa đi đào tạo ở nước ngoài trở về Trung Quốc kinh doanh và lập nghiệp).

Bên cạnh đó, nên nghiên cứu sử dụng một phần Quỹ phát triển khoa học công nghệ quốc gia (NAFOS-TED) để thu hút chuyên gia, trí thức NVNONN với quy chế phù hợp hoặc thành lập Quỹ hỗ trợ thu hút riêng.

Có thể học tập mô hình dự án “Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo thông qua nghiên cứu khoa học và công nghệ (FIRST)” do Ngân hàng Thế giới tài trợ cho hoạt động khoa học và công nghệ ở Việt Nam (dự án 5 năm, đã kết thúc ngày 31/12/2019). Dự án đã hỗ trợ tài chính cho các nhóm nghiên cứu trực thuộc các trường đại học/viện nghiên cứu nhằm thu hút hợp tác chuyển giao công nghệ với các trường đối tác, các chuyên gia giỏi ở nước ngoài, trong đó bao gồm rất nhiều chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài, hình thành các mối quan hệ hợp tác, thu hút nhân tài và tăng cường năng lực nghiên cứu trong nước. Đây là một mô hình đáng được nghiên cứu sâu, đánh giá tính hiệu quả để tiếp tục nhân rộng trong thời gian tới ■

<sup>1</sup> Chưa bao gồm số lượng chuyên gia, trí thức kiều bào về Việt Nam tham dự hội nghị, hội thảo và các đoàn trao đổi ngắn hạn.

<sup>2</sup> Hiện tại còn thiếu các quy định pháp luật liên quan đến một số các lĩnh vực mới như AI, Blockchain, Fintech.

<sup>3</sup> Như quy định về việc mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam của người Việt Nam ở nước ngoài tại Luật Nhà ở năm 2014.

# NHỮNG NỘI DUNG MỚI VỀ XÂY DỰNG NỀN DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ SAU ĐỔI MỚI ĐẾN NAY

● GS, TS PHẠM VĂN ĐỨC

*Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*

## Mở đầu

Dân chủ được Đảng Cộng sản Việt Nam coi là mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Đây là một quan điểm chỉ đạo mang tính xuyên suốt và là kết quả của quá trình tổng kết lý luận trên cơ sở khái quát thực tiễn từ khi đổi mới đến nay. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là một trong 3 mục tiêu quan trọng của sự phát triển xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đó là phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

## Các nội dung cơ bản của xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bao gồm 4 nội dung cơ bản: *thứ nhất*, mở rộng các quyền tham gia của

người dân vào các lĩnh vực hoạt động xã hội; *thứ hai*, xây dựng cơ chế bảo đảm cho việc thực hiện quyền đó trong thực tế; *thứ ba*, thực thi nguyên tắc tập trung dân chủ và *thứ tư*, xây dựng tác phong lãnh đạo, làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức.

Cả bốn phương diện trên đều có mối quan hệ mật thiết với nhau, có tác dụng hỗ trợ cho nhau để bảo đảm, thực hiện quyền được tham gia vào các công việc của người dân được thực hiện trong thực tế. Mỗi phương diện có vai trò và vị trí khác nhau, nhưng tổng thể các phương diện đó cho ta cách nhìn toàn diện về việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

## Kết quả xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trước Đại hội XIII của Đảng

*Thứ nhất*, trước Đại hội XIII của Đảng, các khía cạnh trên của xây dựng

nền dân chủ đã được chú ý đầy đủ. Dân chủ đã được xem là mục tiêu, động lực của sự phát triển xã hội. Dân chủ với tư cách là quyền được tham gia của người dân ngày càng được mở rộng và được thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội: từ dân chủ trong kinh tế đến dân chủ trong chính trị, văn hóa, xã hội, từ dân chủ trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước đến dân chủ ngoài xã hội, v.v.

*Thứ hai*, hệ thống luật pháp và thể chế tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện. Sau 36 năm đổi mới, Nhà nước đã ban hành 2 bản hiến pháp (Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013; 3 lần sửa đổi Hiến pháp (năm 1988, 1989 sửa đổi Hiến pháp năm 1980, năm 2001 sửa đổi Hiến pháp năm 1992). Số bộ luật, luật, pháp lệnh được ban hành gấp nhiều lần so với số luật, pháp lệnh được ban hành trong mấy chục năm trước đây (theo ước tính của các chuyên gia là gấp 8 lần so với 41 năm trước đổi mới). Điều đó góp phần tạo khung pháp lý cho người dân được quyền tham gia vào các lĩnh vực hoạt động xã hội, bảo đảm quyền làm chủ của người dân. Đặc biệt, với Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị về xây

dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn của Ủy ban thường vụ Quốc hội, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở ở xã, phường, thị trấn đã có nhiều chuyển biến tích cực. Với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, nhận thức của người dân về thực hành dân chủ được thể hiện một cách thiết thực, cụ thể hơn.

*Thứ ba*, các lĩnh vực thực hành dân chủ ngày càng được triển khai một cách toàn diện: từ kinh tế đến chính trị và văn hóa, xã hội, từ dân chủ đại diện đến dân chủ trực tiếp, dân chủ trong Đảng đến dân chủ ngoài xã hội. Một trong những thành tựu nổi bật về thực hành dân chủ giai đoạn sau đổi mới so với giai đoạn trước đổi mới là *dân chủ trong lĩnh vực kinh tế*. Với dân chủ trong kinh tế, mọi người được quyền tự do sản xuất, kinh doanh tất cả những gì pháp luật không cấm. Chính điều đó đã làm cho kinh tế phát triển với một tốc độ khá cao so các nước trong khu vực và trên thế giới.

Dân chủ trong lĩnh vực chính trị được thực hiện tốt hơn và có những bước tiến nổi bật. Các tổ chức trong hệ

thống chính trị đã và đang tiếp tục được đổi mới về tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động. Các hình thức thực hiện dân chủ (dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp) ngày càng được coi trọng. Dân chủ trong lĩnh vực văn hóa và xã hội có những kết quả quan trọng; đặc biệt, dân chủ trong hoạt động lý luận khoa học đã có bước tiến, tạo điều kiện cho các nhà khoa học tranh luận, thảo luận và phát huy năng lực sáng tạo của mình, đóng góp tích cực vào việc xây dựng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, có thể đánh giá là hết sức to lớn đã góp phần tạo sự chuyển biến trong xã hội, việc xây dựng nền dân chủ nói chung, đặc biệt là cơ chế bảo đảm cho việc thực hành dân chủ còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Điều đó thể hiện ở chỗ:

*Thứ nhất*, dân chủ với tư cách là quyền được tham gia vào các lĩnh vực hoạt động xã hội của con người không được cập nhật trên bình diện lý luận. Ngoài các quyền được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra như Chỉ thị 30 thì không có thêm các quyền quan trọng khác của người dân như quyền

giám sát, quyền thụ hưởng, v.v. Thêm vào đó, mặc dù đã được cụ thể hóa ở các cơ sở, song các quyền của người dân vẫn được quy định ở mỗi nơi có khác nhau. Đồng thời với đó, mới là quy chế hoặc cao hơn nữa là pháp lệnh thì người vi phạm cũng rất khó bị buộc tội.

*Thứ hai*, một trong những hạn chế lớn của việc ban hành hệ thống pháp luật bảo đảm quyền tham gia của người dân là hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, nhiều luật và văn bản pháp luật chồng chéo, mâu thuẫn nhau.

Dân chủ trong Đảng chưa được thực hiện đầy đủ, vẫn còn tình trạng dân chủ hình thức. Tình trạng vi phạm việc thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách còn xảy ra ở một số nơi. Quyền hạn và chế độ trách nhiệm của người đứng đầu và của tổ chức đảng, chính quyền chưa được quy định rõ ràng, thực hiện chưa nghiêm.

*Thứ ba*, trong nhiệm kỳ qua, việc phát hiện và xử lý tham nhũng có bước tiến quan trọng. Nhiều đại án lớn đã được phanh phui và xử lý nghiêm minh. Nhiều quan chức và người đứng đầu các cơ quan quan trọng của

Đảng và nhà nước đã bị kỷ luật. Trong hầu hết các vụ án liên quan đến quan chức và người đứng đầu đều có kết luận rằng nguyên tắc tập trung dân chủ bị vi phạm hoặc vi phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng. Vấn đề đã được đặt ra từ lâu là, tên của nguyên tắc dân chủ tập trung hay tập trung dân chủ? Nội dung và quy trình thực hiện trong thực tế nguyên tắc này như thế nào cần được quy định chặt chẽ và nhận thức, quán triệt đầy đủ hơn nữa. Thêm vào đó, trong nguyên tắc này có một nội dung hết sức quan trọng đó là những quan điểm của những người thiểu số (thuộc 49%) phải được bảo vệ và bảo lưu. Vậy những quy định cụ thể về vấn đề này như thế nào cũng cần được nghiên cứu một cách cụ thể và thấu đáo.

*Thứ tư*, bên cạnh việc thực hành dân chủ ngày càng được mở rộng, ý thức pháp luật của người dân vẫn còn những hạn chế, yếu kém. Tình trạng dân chủ hình thức, “dân chủ quá chớn”, tình trạng vô chính phủ, vô nguyên tắc đang là hiện tượng đáng lo ngại và có xu hướng ngày càng tăng. Tình trạng dân chủ cực đoan, tự do tùy tiện, “phép vua thua lệ làng”, “lách

luật” vẫn tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi.

*Thứ năm*, trong quá trình lãnh đạo xã hội đã xuất hiện tình trạng quan liêu, xa rời quần chúng nhân dân. Đó là hiện tượng thoái hóa biến chất của một bộ phận không nhỏ của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

### **Những điểm mới của việc xây dựng nền dân chủ trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng**

*Thứ nhất*, sau Đại hội XIII của Đảng, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được xem là 1 trong 3 trụ cột hết sức quan trọng của xã hội cùng với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cả ba trụ cột này đều đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản. Nếu đối chiếu với các học thuyết của phương Tây về các trụ cột của xã hội thì ta có thể nhận thấy sự kế thừa và sáng tạo cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Lý thuyết xã hội phương Tây cũng nói đến kinh tế thị trường (có nhiều loại kinh tế thị trường khác nhau), đến nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự. Việt Nam không nói đến xã hội dân sự và không chủ trương xây dựng xã hội dân sự. Cái mà Việt Nam nhấn mạnh và



xây dựng chính là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nền dân chủ chính là cái bảo đảm cho sự sáng tạo của người dân đồng thời là phương tiện quan trọng để kiểm soát quyền lực.

*Thứ hai, có lẽ so với những văn kiện của các đại hội Đảng trước đây, trong Văn kiện Đại hội XIII từ “dân” được nhắc đến nhiều nhất. Dân được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là chủ thể của mọi hoạt động. Tuy nhiên, bên cạnh cách đặt vấn đề chung ấy, Văn kiện Đại hội lần thứ XIII còn tiếp tục khẳng định làm rõ thêm quan điểm lấy dân là gốc, lợi ích của dân là trước hết và trên hết, cái gì có lợi cho dân thì làm cái gì có hại cho dân thì tránh.*

Thêm vào đó, sự tham gia của người dân vào các hoạt động kinh tế - xã hội cũng được mở rộng hơn. Người dân tham gia nhiều hơn vào các lĩnh vực hoạt xã hội mà pháp luật không

cấm. Đặc biệt, những quy định trong Pháp lệnh về dân chủ quen thuộc trước đây: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra được bổ sung thêm dân giám sát và dân thụ hưởng. Quyền

giám sát và hưởng thụ của dân đã được đưa vào Văn kiện quan trọng nhất của Đảng.

**Sau Đại hội XIII của Đảng, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được xem là 1 trong 3 trụ cột hết sức quan trọng của xã hội cùng với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cả ba trụ cột này đều đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng cộng sản.**

*Thứ ba, bên cạnh việc mở rộng quyền tham gia của người dân, Văn kiện Đại hội XIII còn nhấn mạnh việc xây dựng thể chế để bảo đảm quyền của người dân được thực thi trên thực tế. Đại hội khẳng định: một trong những định hướng lớn trong 10 năm tới là “thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa,*

quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội”<sup>1</sup>.

Đại hội XIII bổ sung thêm mối quan hệ mới là mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế và bảo đảm kỷ cương xã hội. Văn kiện

Đại hội viết: “Để thực hiện tốt các định hướng... (7 định hướng- TG), chúng ta cần tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn...; và đặc biệt, mối quan hệ mới được bổ sung lần này là *mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội*”<sup>2</sup>.

*Thứ tư*, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh đến vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên với phương châm *chức vụ càng cao càng phải gương mẫu*... có chính sách khuyến khích và cơ chế phù hợp bảo vệ những cán bộ, đảng viên có ý chí chiến đấu cao, gương mẫu thực hiện nguyên tắc của Đảng và pháp luật của Nhà nước, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung. Đây chính là những nội dung mới nói về tính tiên phong gương mẫu của người cán bộ, đảng viên trong tình hình mới trên cả phương diện đạo đức, lối sống lẫn hành động.

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm mới được xem là mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về thực hành dân chủ, còn có những nội dung cần

được bổ sung, hoàn thiện hoặc cần được nhấn mạnh, nghiên cứu làm sáng tỏ thêm.

*Thứ nhất*, khi nói về vai trò của dân chủ, nhiều Văn kiện của Đảng đều khẳng định dân chủ vừa là mục tiêu và động lực. Tuy nhiên, dân chủ còn một vai trò quan trọng khác chưa được đề cập đến, đó là *dân chủ với tư cách là phương thức để kiểm soát quyền lực*.

*Thứ hai*, trong khi cụ thể hóa các quyền của người dân trong thực hành dân chủ; dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng cần phải có sự cụ thể hóa thêm trong thực tế là biết cái gì, làm cái gì và được thụ hưởng cái gì. Thêm vào đó, quyền được nhấn mạnh đầu tiên và được xem như là tiền đề của các quyền khác là quyền được biết. Bởi vì các quyền sau chỉ có thể được thực hiện khi mà người dân được biết những thông tin cần thiết.

*Thứ ba*, mối quan hệ giữa dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội là mối quan hệ căn bản của thực hành dân chủ trong thực tế. Đây là mối quan hệ biện chứng của 2 mặt dân chủ và pháp chế; trong đó việc thực hiện dân chủ không hề mâu

thuần với tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương và việc tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương chính là cơ chế và điều kiện để bảo đảm dân chủ trong thực tế. Nhưng vấn đề đặt ra là, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội có những nội dung gì và những giải pháp nào để thực hiện những nội dung đó cần được nghiên cứu và lý giải sâu thêm.

*Thứ tư*, trong Văn kiện Đại hội XIII, Đảng ta đã chủ trương có chính sách khuyến khích và cơ chế phù hợp bảo vệ những cán bộ, đảng viên có ý chí chiến đấu cao, gương mẫu thực hiện nguyên tắc của Đảng và pháp luật của Nhà nước, *dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt* trong hành động vì lợi ích chung. Đây là một bước tiến trong việc thực hiện cơ chế tập trung dân chủ thể hiện vai trò chủ động, sáng tạo của cá nhân, bảo vệ những người

có ý kiến khác. Tuy nhiên, nội dung của chính sách và cơ chế bảo đảm cho chính sách đó vẫn đang trong quá trình thảo luận. Trong thực tế, ranh giới hành vi sáng tạo và hành vi vi phạm pháp luật chưa có thước đo rõ rệt.

### **Kết luận**

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có nội dung rất phong phú và phức tạp. Quan điểm về xây dựng nền dân chủ đã được Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa và phát triển qua nhiều Đại hội và đến Đại hội XIII đã đạt được những thành tựu đáng kể. Những thành tựu đó là kết quả của quá trình phát triển quan điểm lý luận và tổng kết thực tiễn. Tuy nhiên, nhận thức là một quá trình và thực tiễn vận động nhanh hơn lý luận. Thực tiễn trước và sau Đại hội cũng đang đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi trong nhiệm kỳ Đại hội XIII cần tiếp tục hoàn thiện và phát triển để quan điểm về xây dựng nền dân chủ ngày càng hoàn thiện hơn ■

<sup>1,2</sup> ĐCSVN: Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.38, 39.

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN MỚI VỀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

● PGS, TS NGÔ TUẤN NGHĨA

*Viện Kinh tế chính trị học,  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

**Đặt vấn đề:** Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa càng đi vào chiều sâu càng đòi hỏi sự luận giải một cách thuyết phục các khía cạnh lý luận liên quan. Xét riêng về phương hướng phát triển, đòi hỏi cần làm sáng tỏ nhiều khía cạnh, trong đó nổi bật có thể nêu ra những vấn đề lý luận mới cụ thể sau:

## **1. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự liên hệ với thể chế phát triển đồng bộ**

Quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển ở nước ta trong gần bốn thập kỷ đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu. Tuy nhiên, căn cứ vào sự tương quan so sánh về số lượng, lĩnh vực điều chỉnh của các văn bản thể chế đã được xây dựng, ban hành có thể

thấy rõ khía cạnh thể chế phát triển kinh tế, hội nhập đã được chú trọng hoàn thiện sớm với tiến độ nhanh chóng. Trong khi đó, thể chế phát triển chính trị, văn hóa, xã hội chưa được chú ý hoàn thiện đồng bộ trên cơ sở sự hoàn thiện thể chế kinh tế. Hệ quả là, sự tiến bộ về văn hóa, xã hội, đổi mới hệ thống chính trị chưa đạt được kết quả rõ như kỳ vọng.

Cơ hội thụ hưởng thành tựu của quá trình phát triển kinh tế không được phân bổ hài hòa giữa các tầng lớp dân cư, giữa các địa bàn, vùng miền. Nhiều khía cạnh đạo đức, giá trị xã hội xuống cấp nghiêm trọng. Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo,

quản lý, thậm chí cán bộ lãnh đạo cao cấp của đất nước chưa được chặn đứng; tham nhũng, tiêu cực xảy ra trên nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị; sự xuống cấp về đạo đức gia đình, xã hội có nguy cơ tăng nhanh. Giá trị, chuẩn mực văn hóa tốt đẹp đang có nguy cơ bị lấn át bởi các quan điểm, lối ứng xử lệch chuẩn, chạy theo vật chất, thực dụng đơn thuần. Đạo đức nghề nghiệp trên các lĩnh vực, nhất là cả ở các lĩnh vực vốn được coi là thiêng liêng, giường cột của xã hội như các cơ quan bảo vệ pháp luật, các cơ quan đào tạo nhân tài, giáo dục con người, các cơ quan chăm lo sức khỏe nhân dân diễn biến xấu... là điều rất đáng báo động và đang đặt ra nhiều vấn đề lớn. Bộ máy quản trị phát triển quốc gia còn rất công kênh, hiệu lực thấp, năng lực quản lý chưa theo kịp sự phát triển của xã hội.

Hiện tượng nêu trên không phải là bản chất của chế độ xã hội ta. Song không thể phủ nhận những bất cập đó là nghiêm trọng và đang làm giảm niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị, vào những giá trị, chuẩn mực mà chúng ta chủ trương lan tỏa, giữa tuyên bố và hành

động trên thực tế. Việc xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển chính trị, văn hóa, xã hội chưa được chú trọng đúng mức, chưa được thúc đẩy song hành một cách dứt khoát, triệt để cùng với quá trình xây dựng thể chế phát triển kinh tế, thể chế hội nhập quốc tế đã là nguyên nhân trực tiếp của những hạn chế nêu trên. Bệnh thành tích chạy theo quy mô kinh tế giản đơn đang cản trở chúng ta chú ý sự phát triển một cách toàn diện, văn minh.

*Hệ thống thể chế phát triển chưa bám sát và cụ thể hóa một cách thuyết phục thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

Các thành tố thể chế phát triển kinh tế, phát triển chính trị, phát triển văn hóa, hội nhập quốc tế trong thời gian qua được xây dựng, ban hành, đổi mới, bổ sung ngày càng đầy đủ, bao quát hơn; nhiều mặt đã bám sát được các nguyên tắc của nền kinh tế thị trường hiện đại nói chung. Đó là nguyên tắc cạnh tranh, bình đẳng, minh bạch, trách nhiệm giải trình, hiệu quả... Tuy nhiên, đây mới là những nguyên tắc phổ thông nhất mà bất kỳ nền kinh tế thị trường nào cũng phải tuân thủ.

Vấn đề đặt ra ở tầm sâu sắc hơn nữa là, ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc thị trường nói chung, thể chế phát triển Việt Nam còn cần phải là tiền đề để hiện thực hóa cụ thể giá trị xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Những giá trị cơ bản dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh phải được thể hiện trước hết từ trong bản thân hệ thống thể chế. Quyền lực làm chủ của nhân dân phải được triển khai đồng bộ từ thể chế ra đời sống xã hội. Bản sắc văn hóa, những giá trị tốt đẹp, đạo đức mới phải được thể hiện từ trong Đảng ra toàn hệ thống chính trị. Tinh hoa văn hóa, tinh thần tự do, giải phóng phải dần trở thành nền tảng tinh thần và động lực của mọi lĩnh vực hoạt động của con người. Khi đó, giá trị về hạnh phúc, ấm no, tự do của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa trở nên đích thực, được người dân cảm nhận và thụ

hưởng mà không phải là khẩu hiệu. Xét về mặt này, thể chế phát triển ở nước ta chưa đạt mức độ chặt chẽ, đồng bộ như thế. Hay nói một cách khái quát thể chế phát triển Việt Nam hiện nay mặt kinh tế thị trường phổ thông, dù chưa hoàn thiện đầy đủ, nhưng vẫn đậm nét hơn mặt định hướng hiện thực hóa giá trị xã hội chủ nghĩa.

**Ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc thị trường nói chung, thể chế phát triển Việt Nam còn cần phải là tiền đề để hiện thực hóa cụ thể giá trị xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Những giá trị cơ bản dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh phải được thể hiện trước hết từ trong bản thân hệ thống thể chế.**

*Tác động cộng hưởng, cùng chiều tích cực trong thúc đẩy văn minh xã hội theo hướng tiến bộ của thể chế phát triển chưa rõ nét; còn nhiều mâu thuẫn, khập khiễng, loại trừ lẫn nhau ngay trong từng thành tố thể chế cũng như giữa các thành tố thể chế*

Trong gần 40 năm xây dựng và hoàn thiện thể chế phát triển vừa qua, chúng ta đã làm tốt việc xây dựng, hình thành nhiều thể chế của các thành tố thể chế phát triển, song vấn đề quan trọng hơn là hiệu lực, hiệu quả của thể chế trong thúc đẩy văn minh xã hội, cả văn minh

vật chất cũng như văn minh tinh thần lại chưa được thể hiện rõ. Thành tựu về kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, phát triển bền vững theo mục tiêu thiên niên kỷ là không thể phủ nhận. Song về cơ bản, trong gần 40 năm đổi mới chúng ta chưa vượt lên khỏi trình độ văn minh nông nghiệp còn lạc hậu. Thực tế này là biểu hiện của việc tính chất tác động cộng hưởng, cùng chiều của hệ thống thể chế đối với thúc đẩy dịch chuyển văn minh xã hội chưa được phát huy.

Các khía cạnh của đời sống xã hội trên hầu hết các lĩnh vực, ngay cả trong quản trị quốc gia còn mang nặng dấu ấn của văn minh nông nghiệp, chưa chuyển dịch thực chất theo xu hướng hình thành văn minh công nghiệp hiện đại, văn minh tri thức. Sự tùy tiện, hời hợt, tranh công, đổ lỗi, chạy theo lợi ích, tư duy nhiệm kỳ, tầm nhìn cục bộ, hạn hẹp, cát cứ, xu nịnh, công thần, mất đoàn kết, phe nhóm, chia sân... (vốn là biểu hiện của văn minh phong kiến, nông nghiệp) trong cung cách thực hành quản trị phát triển của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên công chức trong quản trị quốc gia chậm được thay đổi. Thậm chí, có lĩnh

vực, có nơi ngày càng nghiêm trọng hơn. Việc nông thôn hóa, tùy tiện hóa đô thị trên cơ sở quy hoạch phát triển thiếu tầm nhìn, hoặc vì lợi ích ngắn hạn trước mắt đang tạo ra những rào cản nghiêm trọng cho quá trình đưa Việt Nam thành một quốc gia có diện mạo phát triển văn minh trong những thập kỷ tới. Những biểu hiện này là hệ quả của việc thiếu đi tác động cộng hưởng cùng chiều của thể chế phát triển. Văn minh tinh thần của chúng ta chưa theo kịp văn minh vật chất nên đang có nguy cơ bị lai căng, bị tha hóa, bị biến dạng văn minh cả vật chất lẫn văn minh tinh thần. Khi xây dựng và ban hành các thể chế phát triển, khía cạnh văn hóa, đạo đức, giá trị nhân văn chưa được chú ý thỏa đáng. Đây là hạn chế rất lớn xét về dài hạn và bám sát mục tiêu xã hội chủ nghĩa tiến bộ.

Mặt khác, đi sâu hơn vào từng thành tố thể chế phát triển, hiện tượng mâu thuẫn, trùng chéo, thậm chí loại trừ lẫn nhau giữa các Điều, khoản còn diễn ra khá phổ biến trong nhiều Bộ luật, văn bản hướng dẫn, các quy định của Trung ương và các cấp địa phương. Hiện tượng các quy định xa rời thực tế, khó áp dụng trong đời sống

còn hiện diện trong nhiều văn bản quy định của các cấp lãnh đạo, quản lý. Hiện tượng này đã được phản ánh thường xuyên trong các diễn đàn quốc gia, doanh nghiệp và trên các phương tiện thông tin trong nhiều năm trở lại đây song chậm được cải thiện.

Với ý nghĩa như vậy, việc đi sâu, luận giải một cách thuyết phục giữa đặc trưng định hướng xã hội chủ nghĩa với những cấu trúc thể chế phát triển kinh tế thị trường nói chung đang trở thành vấn đề rất mới về mặt lý luận đòi hỏi phải có sự tiếp cận nghiên cứu.

## **2. Phương hướng hoàn thiện các yếu tố thị trường trong mối quan hệ với thượng tầng chính trị xã hội chủ nghĩa**

Trong nền kinh tế thị trường nói chung, các yếu tố thị trường thể hiện là các thành tố cốt lõi tạo nên sự sống động của bản thân nền kinh tế thị trường. Các yếu tố cơ bản của thị trường như hàng hóa, giá cả, cung cầu, cạnh tranh, chủ thể tham gia, các quy luật của thị trường... Sự hình thành các yếu tố như vậy là kết quả của quá trình phát triển khách quan, trên cơ sở tương ứng với trình độ của nền kinh tế thị trường gắn với các điều kiện lịch sử

quốc gia nhất định. Ứng với mỗi quốc gia sẽ có các phương hướng hoàn thiện, bổ sung, tạo lập các yếu tố thị trường khác nhau. Vấn đề đặt ra là, đối với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các yếu tố thị trường có sự phân biệt như thế nào khi phân biệt với kinh tế thị trường tự do nói chung? Giá cả, hàng hóa, các quy luật của thị trường không thể hiện tính xã hội của chúng. Vậy vấn đề còn lại phải chăng thuộc về các chủ thể tham gia thị trường và cách thức xác lập môi trường cạnh tranh ở trình độ phát triển khác nhau? Nếu vậy, việc định hình chủ thể như thế nào để đảm bảo được định hướng giá trị xã hội chủ nghĩa? Điều này lại liên quan tới phạm vi sâu sắc hơn, đó là, giá trị xã hội chủ nghĩa sẽ được hiện thực hóa cách nào thông qua cấu trúc các chủ thể tham gia thị trường và cách thức vận hành cơ chế cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là những vấn đề lý luận rất sâu sắc cần phải được lý giải để căn cứ trên cơ sở đó mà xác lập được phương hướng phát triển các yếu tố thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về mặt logic có thể thấy, khi muốn xác lập nền kinh tế thị trường định



hướng xã hội chủ nghĩa thì ngay từ trong các yếu tố thị trường cũng cần phải góp phần thể hiện được tính định hướng như vậy. Việc khẳng định một cách giản dị là nền kinh tế thị trường do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo mới là lập luận mang tính nguyên tắc theo logics là lý tưởng của những người đảng viên Cộng sản là lý tưởng xã hội chủ nghĩa do đó đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng tất yếu sẽ đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường. Tuy vậy, đi sâu vào các yếu tố thị trường thì việc luận giải sâu hơn, cụ thể hơn còn đòi hỏi ở các chứng minh sâu sắc hơn.

Mặt khác, khi đã vận hành nền kinh tế dựa trên cơ sở cốt lõi là cơ chế thị trường. Mà cơ chế thị trường thì luôn vận động hết sức linh hoạt, không thể dùng ý chí chủ quan để điều khiển cơ chế thị trường một cách tùy tiện. Vậy, làm thế nào để phát huy được những mặt ưu thế của cơ chế thị trường, hạn chế những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường trong sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là vấn đề rất mới, đòi hỏi phải đi sâu tổng kết, luận giải sâu sắc hơn để có căn cứ giải quyết các mối

quan hệ khác. Chẳng hạn mối quan hệ giữa cạnh tranh với độc quyền, sự hình thành cơ chế nhân sự, cách thức giải quyết mối quan hệ nhân sự giữa bộ máy nhà nước với các chủ thể sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, từ đó có phương hướng phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa sát hợp với thực tiễn phát triển đòi hỏi nhanh và bền vững.

### **3. Phương hướng hoàn thiện vai trò của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong mối quan hệ với thị trường - xã hội**

Vấn đề rất lớn, mới trong phương hướng phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời gian tới đây phải làm rõ đó là xác lập giới hạn, phạm vi, mức độ và liều lượng tham gia của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn phát triển kinh tế thị trường trên thế giới cho thấy, một trong những sự khác nhau căn bản giữa các mô hình kinh tế thị trường của các quốc gia thể hiện ở phạm vi, giới hạn, mức độ, liều lượng tham gia của nhà nước với tư cách là

một chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Việc phát huy vai trò của nhà nước ở các quốc gia khác nhau cho thấy, có quốc gia nhấn mạnh thị trường tối đa, nhà nước tối thiểu; có quốc gia nhấn mạnh cả thị trường và nhà nước đều mạnh; có quốc gia nhấn mạnh nhà nước tương hợp với thị trường; có quốc gia nhấn mạnh nhà nước nhiều, thị trường ít. Vậy trong điều kiện thực hiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thì vai trò của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sự liên hệ với thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần phải được thể hiện như thế nào? Đây là tiêu chí và căn cứ khoa học cho việc xuất hiện của Nhà nước thể hiện ở sự tham gia, điều tiết hay can thiệp vào các chủ thể, các quan hệ thị trường để đảm bảo tính pháp quyền xã hội chủ nghĩa dung hợp đúng với đặc trưng định hướng xã hội chủ nghĩa trong các quan hệ kinh tế, lợi ích giữa các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Không lý giải rõ vấn đề mới này sẽ làm cho việc xác lập vai trò của Nhà nước trong mỗi giai đoạn phát triển có thể rơi vào chủ quan.

Thêm vào đó, trong nền kinh tế thị trường hiện đại, bộ ba Nhà nước pháp

quyền, Kinh tế thị trường, nền dân chủ xã hội đã trở thành cấu trúc quan hệ cơ bản của các mô hình kinh tế thị trường trên thế giới. Vấn đề đặt ra là, giữa nhà nước – thị trường – xã hội trong thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần phải được xác lập mối quan hệ theo nguyên tắc nào, trên lĩnh vực thị trường hay trên cơ sở các quan hệ thị trường và theo loại hình chủ thể tham gia thị trường. Ở các quốc gia trên thế giới, căn cứ luận giải cho việc xuất hiện yếu tố xã hội trong cấu trúc Nhà nước - thị trường - xã hội là do sự thất bại của cả nhà nước cũng như thị trường mà thành tố xã hội xuất hiện như là tác nhân khắc phục các khuyết tật của nhà nước và thị trường. Vấn đề là trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, khi được xây dựng và từng bước xác lập cụ thể hóa, mức độ thất bại của nhà nước và khuyết tật của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thể hiện ở những điểm nào, để từ đó làm căn cứ cho sự xuất hiện, bổ khuyết bởi các điểm mạnh của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tương tự, sự hạn chế, khiếm khuyết nếu có của thị trường trong nền kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện ở những phạm vi nào. Trên cơ sở đó xác lập sự xuất hiện và định vị vai trò của thành tố xã hội. Liệu thành tố xã hội trong bộ ba cấu trúc Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có phải là thành tố khắc phục các khiếm khuyết của các thành tố cơ bản kia hay đó chỉ là sự định hướng giá trị xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là những vấn đề lý luận rất mới khi đề cập tới phương hướng phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời gian tới.

#### **4. Phương hướng đa dạng hóa các chủ thể trong khi đảm bảo tính chủ đạo của kinh tế nhà nước**

Đa dạng hóa chủ thể tham gia trên thị trường là tất yếu khách quan. Sự đa dạng này như trong các nền kinh tế thị trường trên thế giới đều cho thấy sự hiện diện chủ yếu là các chủ thể tư với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận và gắn đây là sự xuất hiện của trách nhiệm xã hội của các chủ thể tư. Vậy, trong điều kiện đa dạng hóa các chủ thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay và trong các

trình độ phát triển cao hơn thì mức độ tham gia của các loại hình chủ thể nhà nước, tư nhân như thế nào để đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa và góp phần hiện thực hóa giá trị xã hội chủ nghĩa. Vấn đề liệu có phải càng nhiều chủ thể nhà nước sẽ càng mau có được kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hay không? Ở một sự liên hệ khác, thực tiễn đã chứng minh, không phải càng có nhiều công hữu bằng cách duy ý chí càng có nhiều thành tựu xã hội chủ nghĩa. Trái lại, càng nóng vội, càng duy ý chí thuần khiết hóa sở hữu càng làm cho con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội khó khăn hơn. Vậy, xét riêng chủ thể tham gia thị trường, vấn đề có nhất thiết đặt ra liều lượng chủ thể nhà nước và định vị vai trò chủ thể nhà nước để đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa hay không? Cần có sự luận giải và đáp án thuyết phục cho vấn đề này. Khi chưa luận giải rõ vấn đề như vậy, phương hướng về đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa qua chủ thể thành phần kinh tế còn có thể có sự tranh luận. Và do đó, rất khó hoạch định các chính sách phát triển một cách khách quan, hiệu quả.

## **5. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thị trường các quốc gia tư bản chủ nghĩa**

Không thể phủ nhận, tuyệt đại bộ phận kinh tế thị trường trên thế giới hiện nay là mô hình thể chế kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Ở đó, sự hiện diện của các chủ thể tư nhân là chủ yếu với nhà nước tư sản là cơ bản. Cách thức hoạch định và giải quyết mối quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội theo phương thức tư bản chủ nghĩa đã đưa đến cho nhân loại nhiều mô hình kinh tế thị trường hiện đại trên thế giới. Sự biến đổi về lượng đã từng bước được tự phát đẩy nhanh trong liều lượng thành tố xã hội trong các nền kinh tế thị trường. Vậy sự biến đổi về lượng như vậy có tất yếu dẫn đến làm thay đổi bản chất chủ nghĩa tư bản trong ngắn hạn hay không? Câu trả lời chắc chắn sẽ là rất lâu dài. Vậy việc hội nhập vào môi trường toàn cầu với các thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mang đặc trưng tư bản chủ nghĩa sẽ đặt ra những vấn đề gì về phương hướng phát triển? Liệu các thể chế thị trường tư bản chủ nghĩa, do giai cấp

tư sản trên thế giới đang chiếm ưu thế định ra có làm xoay chuyển hay thúc đẩy giá trị xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hay không? Nếu có, sẽ ảnh hưởng tới mức nào, đến các yếu tố thị trường, các loại thị trường, đến vai trò của Nhà nước, vai trò của xã hội hay với tất cả các thành tố như vậy. Làm thế nào để giữ vững được nền tảng độc lập tự chủ với đi sâu hội nhập, kể cả hội nhập về mặt thể chế và sự tương dung lẫn nhau giữa các thể chế kinh tế thị trường trên thế giới với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là những khía cạnh rất mới cần được luận giải một cách sâu sắc, xác đáng.

Khái quát lại, xét về phương hướng phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có rất nhiều vấn đề lý luận mới, căn bản, sâu sắc, cấp thiết cần phải được luận giải và tổng kết sâu hơn nữa. Trên cơ sở sự tổng kết công phu, phổ quát cả trình độ phát triển của chính nước ta cũng như trên phạm vi các mô hình trên thế giới mà có cơ sở khoa học cho sự phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ■

# PHÁT TRIỂN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI Ở SINGAPORE VÀ NHỮNG GỢI Ý CHO VIỆT NAM

● PGS, TS PHẠM THỊ THANH BÌNH

*Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*

Là quốc đảo nhỏ bé với diện tích 719 km<sup>2</sup>, dân số 5.9 triệu người (2021) - tương đương quy mô dân số của Phần Lan, Israel nhưng nghèo tài nguyên, Singapore đã vươn lên thành quốc gia thịnh vượng nhờ hoạch định phát triển chính sách xã hội một cách cẩn trọng nhưng minh bạch, thực dụng. Chiến lược tạo nên thành công trong suốt chặng đường phát triển của Singapore là đặt lợi ích của con người, người dân vào trung tâm phụng sự của hệ thống công, của chính sách phát triển đất nước. Sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa chiến lược phát triển kinh tế và bảo đảm phúc lợi xã hội là định hướng nhất quán trong chính sách của Singapore.

## 1. Phát triển chính sách xã hội ở Singapore

Chính sách xã hội là một bộ phận chính sách của nhà nước để quản lý xã hội. Mục tiêu của chính sách xã hội là ngăn chặn hoặc giải quyết các vấn đề xã hội còn tồn tại nhằm ổn định và phát triển bền vững. Phát triển bền vững là mục tiêu cốt lõi mà mỗi quốc gia đều hướng đến với mục đích xây dựng xã hội tốt đẹp, lành mạnh, an toàn; con người được tự do và hạnh phúc. Phát triển chính sách xã hội ở Singapore được thực hiện trên những lĩnh vực sau:

### ***Thứ nhất, chính sách an sinh xã hội và giảm thất nghiệp***

Đảm bảo an sinh xã hội được xem là một trong những chức năng quan trọng của chính sách xã hội. Singapore xây dựng chiến lược an sinh xã hội phù hợp, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội và định hướng sử dụng

chiến lược an sinh xã hội vào phát triển kinh tế. Singapore chủ trương xây dựng và phát triển Quỹ tiết kiệm an sinh xã hội để tất cả công dân tự chủ về nguồn thu nhập, y tế, giáo dục... nhằm đáp ứng nhu cầu an sinh xã hội và các mục tiêu kinh tế khác.

Quỹ Dự Phòng Trung ương Singapore (Central Provident Fund - CPF)<sup>2</sup> là hệ thống An sinh xã hội dành cho tất cả công dân và người lao động thường trú tại Singapore. Thông qua xây dựng hệ thống Quỹ tiết kiệm an sinh xã hội để giúp giảm thiểu gánh nặng tài chính cho ngân sách Singapore trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống an sinh xã hội của Singapore được hình thành dựa trên triết lý tự chủ và vận hành theo 3 trụ cột chính: nghỉ hưu, chăm sóc sức khỏe và phúc lợi xã hội. Hai trụ cột (nghỉ hưu và phúc lợi xã hội) vận hành dựa trên sự đóng góp của người dân. Hệ thống phúc lợi xã hội của Singapore được coi là một trong những hệ thống thành công nhất theo tiêu chuẩn của các nước.

Hệ thống phúc lợi xã hội ở Singapore được lấy từ quỹ tiết kiệm của cá nhân, sau đó lấy từ gia đình và cộng

đồng ở địa phương trước khi chuyển sang lấy từ chính phủ. Nhà nước chỉ là người giúp cuối cùng nếu phải cần đến. Nhà nước không đóng vai trò người bảo lãnh cho tất cả. Singapore chủ trương cứu trợ cho những người không thể duy trì mức sống tối thiểu như: Trợ cấp nhà ở và y tế, giảm giá và các hình thức khác của cứu trợ cho các gia đình, cá nhân thu nhập thấp. Tại Singapore, mọi người dân cần tiết kiệm để trang trải các chi phí về lương hưu, nhà ở, giáo dục, y tế... Đôi khi tỷ lệ tiết kiệm của người dân Singapore cao hơn 50% trong tổng thu nhập.

Để bảo đảm an sinh xã hội trong bối cảnh dịch Covid 19, Singapore đã khởi động Chương trình Hỗ trợ việc làm (Jobs Support Scheme), Gói Kỹ năng và Việc làm SGUnited (SGUnited Jobs and Skills Package) cùng một số chính sách tiền tệ, nhờ vậy góp phần giúp tỷ lệ thất nghiệp ở Singapore giữ ở mức thấp, giúp khoảng 378.000 lao động đảm bảo cơ hội việc làm trong thời kỳ đại dịch. Năm 2021, Chương trình Hỗ trợ việc làm (Jobs Support Scheme) đã tạo được 165.000 việc làm trong nước với hơn 166.300 cơ hội việc làm và kỹ năng trong gói

Kỹ năng và Việt làm (SGUnited Jobs and Skills Package)<sup>3</sup>.

Hiện người lao động dưới 50 tuổi ở Singapore dành khoảng 20% tiền lương và người sử dụng lao động sẽ đóng góp 16% vào khoản tiết kiệm của người lao động. Khoản tiền này sẽ được chuyển vào tài khoản và được duy trì theo thời gian cho đến khi phát sinh nhu cầu sử dụng. Một trong những nhu cầu sử dụng khoản tiết kiệm của người dân Singapore là dành cho nhà ở. Khoảng 90% hộ gia đình ở Singapore sở hữu nhà ở, tỷ lệ sở hữu nhà ở cao nhất thế giới.

**Thứ hai, chính sách bảo hiểm hưu trí.** Trong hệ thống an sinh xã hội, bảo hiểm hưu trí được đánh giá có vị trí đặc biệt quan trọng và giữ vai trò hạt nhân. Singapore là một trong những quốc gia điển hình thực hiện thành công mô hình bảo hiểm hưu trí và sử dụng bảo hiểm hưu trí như một công cụ để xây dựng xã hội phát triển.

Quỹ Dự phòng Trung ương (CPF) chính là xương sống của bảo hiểm hưu trí Singapore. Quỹ CPF nhằm cung cấp sự bảo đảm về tài chính cho người lao động khi họ nghỉ hưu hoặc không thể tiếp tục làm việc. Cơ cấu CPF bao

gồm 3 tài khoản: i) tài khoản thông thường (Ordinary Account - OA): OA được sử dụng cho các vấn đề nhà ở, bảo hiểm, đầu tư và giáo dục; ii) tài khoản đặc biệt (Special Account - SA): SA được chi trả các khoản chi khi chủ tài khoản về già và các khoản đầu tư vào các sản phẩm tài chính hưu trí; iii) tài khoản y tế (Medisave Account - MA): là tài khoản dành cho các khoản viện phí và các loại bảo hiểm y tế được Chính phủ quy định. Khi người lao động đủ 55 tuổi, tài khoản thứ 4 được thành lập mang tên tài khoản hưu trí (Retirement Account - RA).

Chế độ hưu trí ở Singapore là sự kết hợp của 3 chương trình: 1) thu nhập suốt đời cho người cao tuổi (Lifelong Income for The Elderly); 2) kế hoạch hưu trí tổng thể (Retirement Sum Scheme); 3) rút tiền tiết kiệm khi đủ 55 tuổi (Withdrawals of savings from 55). Ngoài 3 chương trình trên, người lao động còn có thể sử dụng tài khoản OA và SA của mình để đầu tư mà không phải lo ngại rủi ro. Tham gia chương trình này, người lao động có thể nâng cao tài khoản hưu trí của mình và có nhiều quyền lợi hơn khi về hưu.

Chính sách bảo hiểm hưu trí của Singapore đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn 2010-2020. Những sự thay đổi chủ yếu đều liên quan đến mức đóng góp và quyền lợi hưởng theo chiều hướng có lợi hơn cho người lao động. Đặc biệt, từ năm 2016, Chính phủ Singapore đã triển khai kế hoạch đổi mới hệ thống, bao gồm: cung cấp lượng tiền tối thiểu từ Quỹ CPF cho những cá nhân nghèo nhất; linh hoạt hơn trong việc rút tiền hưu trí; tăng mức đóng góp nhất định và đảm bảo lãi suất hàng năm. Singapore đang xem xét nâng tuổi nghỉ hưu, đồng thời có những điều chỉnh đối với Quỹ CPF để người lao động có thể tiết kiệm được nhiều tiền hơn vào tài khoản cá nhân họ.

Năm 2021, Quỹ Hưu trí trung ương Singapore thực hiện Chương trình Hỗ trợ đóng góp cho các thành viên trong độ tuổi từ 55 đến 70 có số tiền trong tài khoản tiết kiệm hưu trí thấp hơn mức hưu trí cơ bản (93.000 SUD, tương đương 69.800 USD), có thu nhập trung bình hàng tháng không quá 4.000 SUD, tương đương 3.003 USD và đáp ứng một số quy định về sở hữu tài sản khác. Hệ thống bảo hiểm hưu

trí ở Singapore đòi hỏi mọi người dân phải tiết kiệm, tích lũy vào tài khoản cá nhân để trang trải chi phí về lương hưu của họ. Tài khoản này được duy trì theo thời gian cho đến khi người tham gia phát sinh nhu cầu sử dụng. Hệ thống Quỹ Dự phòng Trung ương được thiết lập với quản trị tốt, phạm vi bao phủ rộng khắp và pháp luật về bảo hiểm hưu trí luôn chú trọng, quan tâm đến mỗi thành viên trong xã hội, lấy người dân là trung tâm. Hệ thống an sinh xã hội nói chung, bảo hiểm hưu trí nói riêng của Singapore đang đứng đầu ở châu Á và thứ đứng 7 thế giới dựa trên sự đầy đủ, tính toàn vẹn và tính bền vững.

**Thứ ba, chính sách chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế.** Singapore có một hệ thống chăm sóc sức khỏe đẳng cấp thế giới, được Tổ chức Y tế thế giới (WHO) xếp hạng nhất ở châu Á (trên cả Hong Kong và Nhật Bản), đứng thứ 6/100 hệ thống chăm sóc sức khỏe tốt nhất trên thế giới. Hiện Singapore có 22 bệnh viện và cơ sở y tế đạt chứng nhận của JCI (Joint Commission International)<sup>4</sup>.

Trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, Singapore đã bắt đầu xây dựng hệ



thống Tài khoản Medisave “Medisave Account” (1984). Khoản tiết kiệm dành cho y tế của mỗi người lao động sẽ được gửi vào tài khoản Medisave riêng của từng cá nhân và các cá nhân cũng tự động tham gia bảo hiểm cho các bệnh hiểm nghèo. Singapore cũng dành sự quan tâm đặc biệt trong việc hỗ trợ người già, người có thu nhập thấp, thu nhập trung bình. Chính phủ tiếp cận đối với chi tiêu tài chính của người dân bằng việc giữ mức thuế thấp. Điều này đảm bảo rằng nguồn tài nguyên có hạn của quốc gia sẽ đến được với những người cần hỗ trợ nhiều nhất.

Chi tiêu cho y tế của chính phủ Singapore chỉ chiếm 4,3% GDP so với Mỹ (16,9% GDP); Pháp (11% GDP); Anh (9,9% GDP); Nhật Bản (10,9% GDP) và Hàn Quốc (7,1% GDP)<sup>5</sup> trong khi đạt được kết quả sức khỏe bằng hoặc tốt hơn, tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh thấp và kỳ vọng sống cao hơn. Hầu hết các nước châu Âu, Scandinavia và Bắc Mỹ chi 30-40% GDP cho các chương trình phúc lợi xã hội, trong khi Singapore chi ít hơn nhưng vẫn duy trì mức tăng trưởng kinh tế tương tự với một xã hội tương đối ổn định.

Singapore luôn quan tâm vấn đề chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế nhằm đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao sức khỏe cho cộng đồng. Người lao động có thể tham gia bảo hiểm y tế theo hình thức bắt buộc hoặc tự nguyện. Người lao động dưới 55 tuổi có thu nhập trong khoảng 5000-6000SD/tháng phải đóng bảo hiểm y tế bắt buộc thông qua quỹ y tế dùng để chi trả chi phí điều trị bệnh và mua bảo hiểm y tế nhân thọ (Medisave Account). Ngoài các đối tượng phải đóng bảo hiểm y tế bắt buộc, Singapore đưa ra các quy định cụ thể về việc đóng bảo hiểm y tế tự nguyện cho những đối tượng không thuộc diện đóng bảo hiểm y tế bắt buộc. Tuy không bắt buộc nhưng đã có nhiều người lao động, kinh doanh tự do ở Singapore chủ động tham gia Quỹ bảo hiểm y tế bắt buộc nhằm đảm bảo chi phí khám chữa bệnh và giúp cắt giảm một phần thuế thu nhập, bởi phần đóng góp cho bảo hiểm y tế không bị đánh thuế.

***Thứ tư, chính sách phát triển nhà ở, tạo điều kiện để mọi người dân có chỗ ở.*** Với quan điểm “nhà ở là tài sản xã hội, không phải tài sản tài chính” đã giúp Singapore ổn định vấn đề nhà ở,

an sinh xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh trong thời gian ngắn.

Năm 1960, Singapore thành lập Ủy ban Phát triển nhà ở (Housing Development Board - HDB) là cơ quan hợp pháp chính thức và duy nhất, có nhiệm vụ giải quyết nhanh vấn đề nhà ở xã hội để ổn định an sinh. Nhiệm vụ của Ủy ban Phát triển nhà ở (HDB) nhằm phân bổ và quy hoạch nguồn lực hiệu quả, không những bảo đảm nguyên liệu, quỹ đất và nguồn nhân lực cho các công trình xây dựng quy mô lớn, mà còn góp phần tiết kiệm chi phí. Nhờ sự định hướng, hỗ trợ mạnh của Chính phủ về lĩnh vực tài chính và pháp lý, chương trình nhà ở xã hội của Singapore đã đi đúng lộ trình, đáp ứng được nhu cầu của đông đảo người dân trong cộng đồng.

Chính sách hỗ trợ nhà ở của Singapore thường kết hợp trợ cấp cho cả hai bên cung và cầu. *Trợ cấp về bên cung* được thực hiện thông qua việc hỗ trợ các doanh nghiệp cung cấp nhà thu nhập thấp dưới nhiều hình thức khác nhau như: Chính phủ miễn, giảm thuế cho các nhà cung cấp nhà ở thu nhập thấp; hỗ trợ tín dụng (các khoản vay dài hạn với lãi suất thấp, vay

ân hạn); cung cấp một số cơ chế bảo lãnh, cung cấp đất, cơ sở hạ tầng. *Trợ cấp về bên cầu* được thực hiện thông qua việc hỗ trợ cho các hộ gia đình dưới nhiều hình thức khác nhau như: Ưu đãi thuế (cho phép khấu trừ thuế đối với chi phí mua nhà thu nhập thấp); trợ cấp để mua/thuê nhà; hỗ trợ về tiết kiệm cho mua nhà; cung cấp các khoản vay ưu đãi để mua nhà. Singapore hỗ trợ tài chính cho người mua nhà từ nguồn tiền của Quỹ Dự phòng Trung ương CPF<sup>6</sup>.

Hội đồng Phát triển Nhà ở HDB, về mặt pháp lý, vẫn là chủ sở hữu nhà ở lớn nhất. Nghĩa là, đa số bất động sản nhà ở Singapore là tài sản Nhà nước với quyền sở hữu thuộc về Nhà nước. Do đó, nếu muốn cải thiện hoặc sửa đổi khu dân cư thuộc dự án nhà ở xã hội, Hội đồng Phát triển Nhà ở HDB hoàn toàn có thể triển khai một cách thống nhất. Hiện có khoảng hơn 80% người dân Singapore có nhà ở và 90% trong số đó sở hữu căn hộ do HDB cung cấp. Chiến lược phát triển nhà ở xã hội của Singapore thành công dựa trên ba nhân tố quyết định.

*Thứ nhất*, Singapore đã thực hiện chính sách một cơ quan duy nhất chịu

trách nhiệm về nhà ở xã hội để phân bổ và quy hoạch nguồn lực hiệu quả. Chính sách vừa giúp cho HDB có khả năng bảo đảm quỹ đất, nguyên liệu và nguồn nhân lực cho các công trình xây dựng quy mô lớn, vừa bảo đảm tiết kiệm chi phí song lại đạt kết quả cao nhất.

*Thứ hai*, Singapore áp dụng phương thức tiếp cận tổng thể đối với nhà ở. Từ quy hoạch, thiết kế cho đến thu hồi đất và xây dựng, thông qua phân phối, quản lý, bảo trì, các nhiệm vụ liên quan đến nhà ở nằm trong một tổng thể trọn vẹn, liền mạch.

*Thứ ba*, phát triển nhà ở xã hội của Singapore có sự định hướng cũng như hỗ trợ mạnh mẽ của chính phủ về lĩnh vực tài chính và pháp lý đã giúp cho chương trình nhà ở xã hội đi đúng lộ trình và đến được với người dân có nhu cầu thực sự.

Tóm lại, với tầm nhìn xa và có quy hoạch rõ ràng trong việc xây dựng các khu nhà ở xã hội, Chính phủ Singapore một mặt đã giải quyết tốt vấn đề nhà ở của người dân và phát triển kinh tế của đất nước, mặt khác giữ được quỹ đất cho tương lai cũng như phục vụ cho các mục đích khác.

## 2. Những gợi ý cho Việt Nam

Chính sách xã hội của Việt Nam luôn hướng đến mục tiêu vì con người và đặt con người vào trung tâm của quá trình phát triển. Con người là mục tiêu, động lực của phát triển và là trung tâm của chính sách xã hội. Việt Nam đã dành 21% ngân sách nhà nước cho phúc lợi xã hội, là mức cao nhất trong số các nước ASEAN<sup>7</sup>. Nghiên cứu hệ thống chính sách xã hội Singapore giúp Việt Nam có những bài học kinh nghiệm quý báu sau:

*Thứ nhất, nhà nước có vai trò quan trọng trong phát triển chính sách an sinh xã hội.* Nhà nước có thể can thiệp trực tiếp hoặc gián tiếp nhưng đều phải hoạch định chiến lược, xây dựng hệ thống luật pháp. Quan trọng hơn, nhà nước cần sát sao phối hợp và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các cơ chế, chính sách, đảm bảo an sinh xã hội. Nhà nước giúp tổ chức một hệ thống bảo hiểm xã hội toàn diện nhằm hạn chế những rủi ro phổ biến trong cuộc sống mà ít người có thể cung cấp đầy đủ.

Quan điểm chung của chủ nghĩa tự do khi nói đến phúc lợi xã hội là vai trò của nhà nước chỉ nên hạn chế

trong việc cung cấp một mạng lưới an toàn. Một mạng lưới cơ bản an toàn sẽ bảo vệ xã hội để bị tổn thương về kinh tế khỏi bị rơi vào các vết nứt. Milton Friedman<sup>[8]</sup> đề xuất đánh thuế thu nhập âm như một cách khuyến khích người nghèo làm việc để thoát nghèo. Sự giàu có của quốc gia bị giảm sút khi các động lực làm việc bị xói mòn bởi phúc lợi nhà nước dễ dàng tiếp cận.

Nhà nước cần khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào cung ứng an sinh xã hội, sử dụng các chính sách kinh tế phối hợp với chính sách xã hội nhằm giảm gánh nặng tài chính cho ngân sách nhà nước. Khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân trong chính sách an sinh xã hội làm tăng trách nhiệm của cá nhân, doanh nghiệp, đồng thời góp phần giảm gánh nặng tài chính cho Nhà nước. Phát triển Quỹ tiết kiệm an sinh xã hội giúp giảm tải gánh nặng về ngân sách của Chính phủ Singapore đã duy trì trong nhiều năm qua. Vai trò quản lý Nhà nước trong phát triển nhà ở xã hội là rất quan trọng. Sự thống nhất về cơ quan có thẩm quyền, chính sách, quy định pháp lý là một

trong những nền tảng chủ đạo để người cần nhà ở xã hội có thể tiếp cận những dự án nhà ở bình dân của Chính phủ.

Trong bối cảnh tác động của dịch Covid-19, vai trò của nhà nước Singapore được thể hiện ở sự thắt chặt phối hợp giữa các chính sách kinh tế và chính sách xã hội để đảm bảo rằng người dân Singapore có thể tiếp cận với việc làm và cơ hội trong nền kinh tế hậu Covid.

**Thứ hai, nhấn mạnh tầm quan trọng vào tính tự lực của mỗi cá nhân (self-reliance).** Để đủ điều kiện nhận phúc lợi xã hội ở Singapore là không dễ theo tiêu chuẩn của hầu hết các nước phát triển phương Tây. Quan điểm của Singapore về việc phân phát phúc lợi xã hội được củng cố bằng triết lý kinh tế vững chắc về sự tự lực và tự chịu trách nhiệm, trong đó phúc lợi xã hội đầu tiên phải được lấy từ khoản tiết kiệm của cá nhân, đơn vị gia đình và cộng đồng địa phương trước khi chuyển sang lấy của chính phủ. Nhà nước không nên đóng vai trò là người bảo đảm các phương tiện mà chỉ đơn thuần là người bảo vệ quyền truy đòi cuối cùng.

Một trong những hình thức phúc lợi xã hội có tổ chức quan trọng nhất ở Singapore là các nhóm cộng đồng tự lực do nhà nước hướng dẫn, được cấu trúc theo các ranh giới chủng tộc. Nhóm cộng đồng được thành lập để giúp xóa đói giảm nghèo cho những công dân có thu nhập thấp nhất bằng cách giúp họ thông qua các chương trình giáo dục phổ thông khác nhau để cải thiện cơ hội kinh tế. Chương trình phúc lợi xã hội bắt đầu trong cộng đồng người Mã Lai năm 1981 được coi là thành công vào cuối thập kỷ. Nhờ vậy, chính phủ dần mở rộng để thành lập các tổ chức tự lực tương tự cho các nhóm “kém hiệu quả” của Trung Quốc, Ấn Độ.

Sự tham gia của chính phủ Singapore vào các nhóm cộng đồng chỉ ở mức độ giám sát quy định chung. Các quy trình liên quan đến việc phân bổ phúc lợi cho các thành viên có thu nhập thấp được giao cho các trưởng nhóm cộng đồng. Hình thức phúc lợi được tư nhân hóa trong đó việc ra quyết định quan trọng được thực hiện ở cấp độ phi tập trung được chứng minh là hình thức phúc lợi hiệu quả hơn nhiều về mặt kinh tế.

Triết lý tự lực và trách nhiệm không chỉ nổi bật trong phúc lợi xã hội mà còn được nhân rộng trong cách tiếp cận của chính phủ Singapore đối với tiết kiệm hưu trí, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và nhà ở. Chính sách ưu tiên để đảm bảo các cá nhân có đủ nguồn lực cho những ngày khó khăn là thông qua Quỹ Dự phòng Trung ương CPF, nơi có một phần tiền lương hàng tháng của người được khấu trừ và gửi vào đó. Những khoản tiền này chỉ có thể được sử dụng cho chi phí y tế, bảo hiểm, mua nhà hoặc đến tuổi nghỉ hưu, phản ánh sự khuyến khích của chính phủ về tính tự lực, nên “tự giúp mình trước khi nhờ người khác giúp đỡ”.

Bằng cách bắt buộc người dân Singapore tiết kiệm, phúc lợi xã hội ở Singapore theo truyền thống đã được nội bộ hóa trước hết cho từng cá nhân và gia đình. Điều này tạo thành điểm mấu chốt của chính sách xã hội “Nhiều bàn tay giúp đỡ” của chính phủ trong đó vai trò của gia đình và cộng đồng trực tiếp trong việc cung cấp phúc lợi sẽ hiệu quả hơn và được chú trọng hơn các chương trình do chính phủ tài trợ.

**Thứ ba, tầm quan trọng của thực hiện áp dụng sự phân cấp phúc lợi xã hội (decentralizing welfare).** Thành công trong cách tiếp cận phúc lợi xã hội của Singapore bắt nguồn từ thiết kế phi tập trung xoay quanh các cộng đồng ở cấp cơ sở. Cách tiếp cận phi tập trung hoạt động hiệu quả vì đã khắc phục được cơ bản các vấn đề quan trọng mà các chương trình phúc lợi cần phải giải quyết.

Xóa đói giảm nghèo chỉ là làm giảm nhẹ. Giảm bớt khó khăn kinh tế tạm thời hoàn toàn khác với mục tiêu đưa người nghèo thoát nghèo. Phúc lợi xã hội hiệu quả phải được thực hiện mà không khuyến khích sự phụ thuộc hoặc phá hủy động cơ làm việc của người nghèo. Ngay cả khi nghèo đói là một vấn đề chung của “xã hội”, kiến thức cần thiết để giải quyết các trường hợp nghèo đói riêng lẻ không bao giờ được tập trung trong văn phòng nhà nước. Ngược lại, những kiến thức đó phải được phân tán rộng rãi và sẽ khác nhau hoàn toàn giữa các nền văn hóa, tôn giáo, cộng đồng, nghề nghiệp và cá nhân.

Nguyên nhân của đói nghèo xã hội có thể xuất phát từ các tập quán văn

hóa tồn tại lâu dài, thói quen cá nhân hoặc các vấn đề thể chế địa phương. Có thể dễ dàng đặt nhiệm vụ cung cấp phúc lợi cho “chính phủ”. Nhưng việc các quan chức nhà nước phân bổ phúc lợi do người đóng thuế tài trợ thường phức tạp hơn nhiều, thể hiện qua hàng nghìn tỷ đô la lãng phí đã không giúp được người nghèo hoặc những chi phí khổng lồ bị lãng phí chỉ vì mục đích hành chính.

Singapore với các chương trình phúc lợi xã hội hiệu quả được quản lý ở cấp độ tư nhân, phi tập trung hoá được trang bị tốt hơn với kiến thức phù hợp với điều kiện bối cảnh cần thiết để đối phó với môi trường hiện có. Khi việc ra quyết định được phân cấp, hoàn cảnh cụ thể của mỗi cá nhân được đánh giá tốt hơn, do đó sẽ đưa ra biện pháp bảo vệ mạnh mẽ hơn đối với những người nhận phúc lợi xã hội. Mô hình cung cấp phúc lợi kết hợp giữa tư nhân và công cộng của Singapore cung cấp bài học hữu ích cho Việt Nam. Chương trình phúc lợi toàn diện có thể dễ dàng được thiết kế để xóa đói giảm nghèo. Nhưng xóa đói giảm nghèo sẽ được giải quyết tốt hơn nhiều thông qua phương pháp tiếp cận dựa

trên thị trường như cách tiếp cận phi tập trung của Singapore. Khi việc ra quyết định được phân cấp, hoàn cảnh độc đáo và câu chuyện cuộc đời của mỗi cá nhân có thể được đánh giá tốt hơn, do đó cũng đưa ra biện pháp bảo vệ mạnh mẽ hơn đối với những người nhận phúc lợi xã hội.

**Thứ tư, lựa chọn mô hình bảo hiểm hưu trí phù hợp.** Việc lựa chọn mô hình bảo hiểm hưu trí của mỗi quốc gia nhất thiết phải gắn liền với điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử, chính trị của quốc gia đó. Trong khi phần đông các quốc gia trên thế giới đều xây dựng bảo hiểm hưu trí theo mô hình tài chính công hoặc mô hình tài chính đóng góp thì Singapore là một trong những nước tiên phong với mô hình độc đáo - tài khoản cá nhân.

Bài học của Singapore về quản lý và tổ chức thực hiện chế độ bảo hiểm hưu trí, đó là: việc lựa chọn mô hình bảo hiểm hưu trí vốn dĩ đã quan trọng nhưng cách thức quản lý, tổ chức bảo hiểm hưu trí ra sao còn khó khăn và quan trọng hơn. Nếu Việt Nam vẫn đang loay hoay trong vấn đề tổ chức quản lý với bộ máy công kênh nhưng chưa hiệu quả thì có thể thấy vấn đề

bảo hiểm hưu trí được Singapore giải quyết rất gọn nhẹ, linh hoạt, tiết kiệm tối ưu sức người, sức của.

Ở Singapore, Bộ Tài chính sẽ có trách nhiệm quản lý Nhà nước về chế độ hưu trí và thanh toán các chi phí liên quan cho người tham gia. Bên cạnh đó, Quỹ CPF đặt chi nhánh ở các địa phương trên cả nước, thực hiện chức năng phê duyệt yêu cầu của người tham gia khi họ sử dụng các quyền lợi của mình.

Singapore đã tận dụng tối đa những lợi thế mà khoa học công nghệ mang lại vào thực tiễn thực hiện bảo hiểm hưu trí. Chỉ cần truy cập vào trang thông tin điện tử của Hội đồng Quản lý CPF, người truy cập có thể dễ dàng tìm hiểu quy định pháp luật bảo hiểm hưu trí do những quy định được đăng tải một cách tường minh, dễ hiểu và thân thiện với người sử dụng. Thành viên CPF chỉ cần đăng nhập bằng tài khoản cá nhân của mình là có thể biết được chính xác số tiền trong tài khoản, các chế độ được tham gia, số tiền bảo hiểm cần đóng.

**Tóm lại,** sự kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế và chính sách xã hội là nền tảng vững chắc cho mối quan

hệ giữa Chính phủ và người dân. Singapore quan niệm, phát triển kinh tế đã khó, nhưng để có một xã hội trật tự, an toàn và chính trị ổn định, vốn là nền tảng của sự phát triển, còn khó khăn hơn. Chính sách xã hội độc đáo của Singapore là chìa khóa cho tốc độ

phát triển vượt bậc của Singapore. Trong bối cảnh hậu Covid 19, ưu tiên lớn nhất của chính phủ Singapore là hỗ trợ người dân duy trì công việc làm ổn định hoặc tìm kiếm những công việc mới, củng cố tổ chức xã hội và cải thiện mạng lưới an toàn xã hội ■

---

### Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Ngoan (2022), Chính sách xã hội là gì? Các đặc trưng, vai trò và phân loại? (luatduonggia.vn)
2. Quản lý Nhà nước đối với Quỹ CPF (1995) là Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm quản lý cao nhất thuộc về Bộ trưởng. Trực tiếp quản lý CPF là Hội đồng Quản lý quỹ dự phòng Trung ương (Central Provident Fund Board - CPF Board) với sự tham gia của Chính phủ, đại diện người sử dụng lao động và người lao động.
3. An sinh xã hội thế giới (baohiemxahoi.gov.vn)
4. JCI (Joint Commission International) là một tổ chức có uy tín trên thế giới trong việc thẩm định và công nhận chất lượng y tế, đặc biệt là chất lượng bệnh viện, tập trung vào mục tiêu đảm bảo an toàn và mang lại hiệu quả điều trị cao nhất cho người bệnh.
5. Donovan Choy (2019), What America Could Learn from Singapore's Social Welfare System - Foundation for Economic Education (fee.org)
6. CPF được dùng cho 5 mục đích chính bao gồm: Sở hữu nhà ở; hưu trí; y tế; quỹ bảo trợ gia đình; đầu tư.
7. Dành 21% ngân sách cho phúc lợi xã hội, cao nhất ASEAN - Tạp chí điện tử Bảo vệ Rừng và Môi trường (baovemoitruong.org.vn)
8. Milton Friedman là nhà kinh tế học đoạt giải Nobel (1976) người Mỹ, là người ủng hộ chủ nghĩa tư bản tự do.